

LỜI MỞ ĐẦU

Trong môi trường hội nhập và phát triển hiện nay, để có thể tồn tại và phát triển một cách có hiệu quả, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế phải tăng cường công tác quản lý, tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp của mình. Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, sau một thời gian thực tế tại *Công ty cổ phần Việt Thịnh*, với những kiến thức đã tiếp thu được trong quá trình học tập, cùng sự chỉ bảo, hướng dẫn tận tình của Thạc sỹ Nguyễn Thị Thúy Hồng và các thầy cô giáo, các anh chị trong phòng kế toán em đã quyết định chọn đề tài : "*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt Thịnh* " cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung của khoá luận được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt Thịnh.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt Thịnh.

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết thực tế còn hạn chế chắc chắn bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong được sự góp ý trao đổi kiến thức của các thầy cô giáo và các anh chị kế toán của công ty nhằm giúp khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1.1. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1.1. Doanh thu.

➤ *Khái niệm:* Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi đã trừ đi các khoản làm giảm trừ doanh thu.

➤ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:* Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

➤ *Doanh thu tiêu thụ nội bộ:* Là số doanh thu có được do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty....

1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ *Chiết khấu thương mại:* Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng

❖ *Hàng bán bị trả lại:* Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao

quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách....

❖ *Giảm giá hàng bán:* Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

❖ *Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp:*

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là số thuế gián thu tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến người tiêu dùng và người tiêu dùng là người chịu thuế.

Theo phương pháp trực tiếp :

$$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT hàng hoá dịch vụ bán ra} \times \text{Thuế suất thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ chịu thuế}$$

- Thuế TTĐB là loại thuế gián thu tính trên khoản thu của một số mặt hàng Nhà nước quy định nhằm thực hiện sự điều chỉnh của nhà nước đối với người tiêu dùng.

- Thuế XK là thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

1.1.1.3. Giá vốn hàng bán.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay, chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

Giá vốn hàng bán thành phẩm xuất kho có thể xác định theo một trong 4 phương pháp sau đây:

- + Phương pháp bình quân gia quyền
- + Phương pháp nhập trước – xuất trước

- + Phương pháp nhập sau – xuất trước
- + Phương pháp thực tế đích danh
- Đối với doanh nghiệp thương mại: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm
 - + Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được xác định theo một phương pháp tính trị giá hàng tồn kho
 - + Chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán: Do chi phí mua hàng liên quan đến nhiều chủng loại hàng hóa, liên quan cả đến khối lượng hàng hóa trong kỳ và hàng hóa đầu kỳ, cho nên cần phân bổ chi phí mua hàng cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ.

1.1.1.4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ *Chi phí bán hàng*: Là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

❖ *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Là các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý văn phòng; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

1.1.1.5. Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*: Là những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ *Chi phí hoạt động tài chính:* Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

1.1.1.6. Thu nhập khác và chi phí khác.

❖ *Thu nhập khác:* Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vãng chủ hay nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được phạt, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ..

❖ *Chi phí khác:* Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí khác

1.1.1.7. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là biểu hiện bằng tiền phần còn lại của thu nhập trong kỳ của tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi trừ đi chi

phí và thuế theo quy định, và được gọi là lợi nhuận. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành của sản phẩm xây lắp- đối với doanh nghiệp xây lắp...); chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

➤ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

1.1.2. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.

❖ Phương thức bán hàng trực tiếp

Gồm 2 hình thức bán buôn và bán lẻ

➤ Bán buôn: Là phương thức bán hàng cho các đơn vị, cá nhân mà số thành phẩm đó còn nằm trong quá trình lưu thông, chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị sử dụng của hàng hóa chưa thực hiện. Đặc điểm chủ yếu của phương thức bán buôn là khối lượng hàng hóa giao dịch lớn, theo từng lô hàng.

➤ Bán lẻ : Là phương thức bán hàng cung cấp trực tiếp cho người tiêu dùng. Đặc điểm chủ yếu của phương thức này là khối lượng hàng hóa giao dịch mua bán nhỏ.

❖ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhận định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

❖ *Phương thức giao hàng đại lý*

Theo phương thức này, doanh nghiệp giao hàng trên cơ sở đại lý, cơ sở nhận đại lý ký gửi để họ tiếp tục bán lẻ hoặc bán buôn. Bên đại lý sẽ hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

1.1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

❖ *Nguyên tắc kế toán doanh thu*

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán trừ thuế GTGT phải nộp được tính theo phương pháp trực tiếp;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hoá, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công;

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

- Những sản phẩm, hàng hoá được xác định là tiêu thụ, nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán

hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp nhận; hoặc người mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các tài khoản như tài khoản “ Chiết khấu thương mại”, tài khoản “ Hàng bán bị trả lại” và tài khoản “ Giảm giá hàng bán”.

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, mà chỉ hạch toán vào bên Có TK 131 “ Phải thu của khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua mới hạch toán vào TK 511 về giá trị hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ được thực hiện như quy định đối với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, nghĩa là chỉ phản ánh vào doanh thu nội bộ số doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của các đơn vị thành viên cung cấp lẫn cho nhau. Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ của các đơn vị thành viên.

- Việc ghi nhận một khoản doanh thu phải tương ứng với nó là một khoản chi phí hợp lý tạo ra doanh thu đó.

❖ *Nguyên tắc kế toán chi phí:*

- Các khoản chi phí được tập hợp để xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ kế toán của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác và chi phí thuế TNDN.

- Hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp cụ

thể mà có thể mở thêm một số nội dung chi phí khác, nhằm giúp cho nhà quản trị có thể theo dõi và kiểm tra sự phát sinh chi phí.

❖ *Nguyên tắc hạch toán xác định kết quả kinh doanh:*

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

- Trên tài khoản này doanh nghiệp cần phải hạch toán đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.

- Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

1.1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời và chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng. Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.2.1. Nội dung công tác kế toán doanh thu, các khoản giảm trừ và xác định giá vốn hàng bán.

1.2.1.1. Tài khoản kế toán sử dụng.

➤ *Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 511

<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ - Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911- XĐKQKD 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và gồm 6 tiểu khoản:

- | | |
|--------------------------------------|---|
| TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá. | TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá |
| TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm | TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư. |
| TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ | TK 5118 – Doanh thu khác |

➤ **Tài khoản 512: Doanh thu bán hàng nội bộ**

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 512

<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ. - Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu. - Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần về tiêu thụ sang TK 911 - XĐKQKD 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và gồm 3 tiểu khoản:

- TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

➤ **Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại**

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 521

<p>- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ.</p>	<p>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.</p>
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

➤ **Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại**

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 531

<p>- Doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán.</p>	<p>- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoặc TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần kỳ kế toán..</p>
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

➤ **Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán**

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 532

<p>- Khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng phát sinh trong kỳ.</p>	<p>- Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.</p>
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>	<p>Tổng phát sinh Có</p>

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

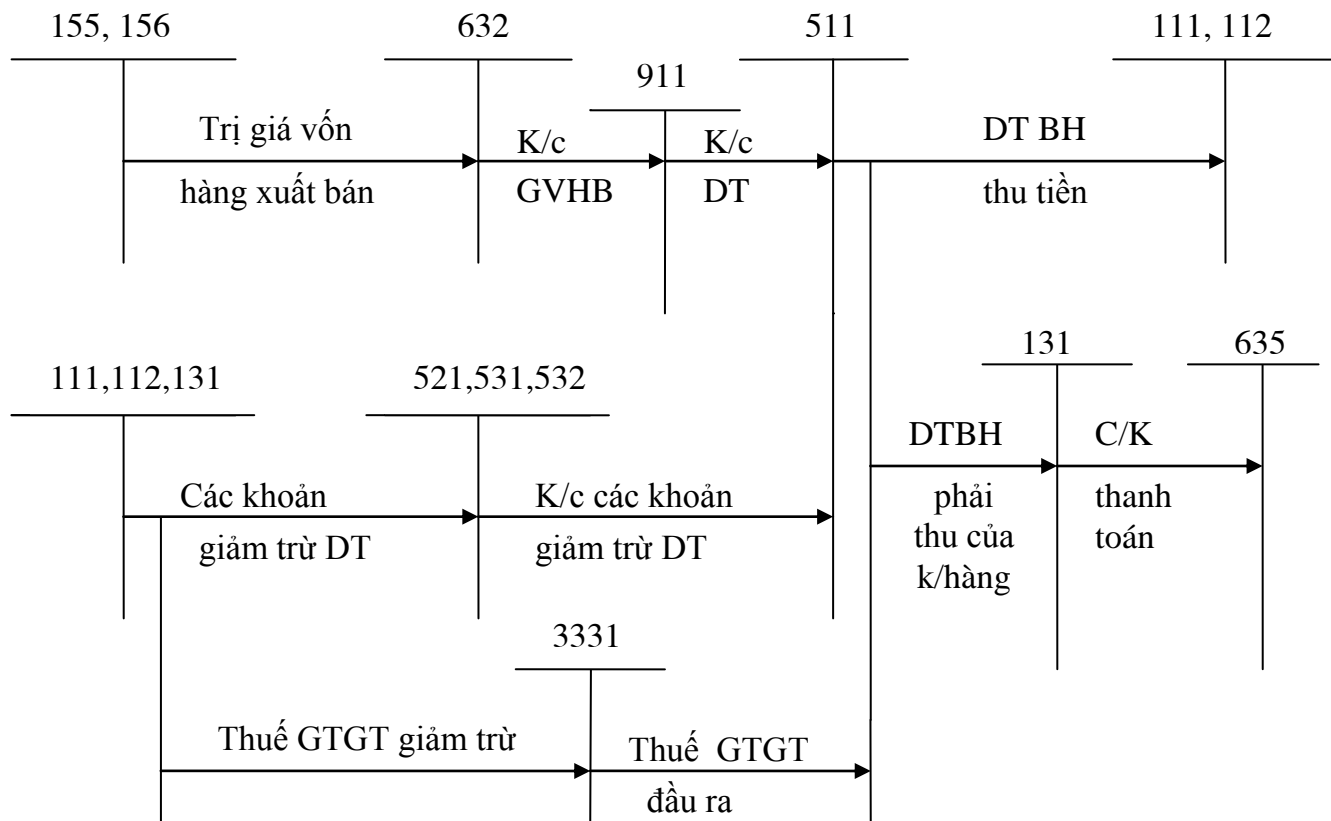
➤ *Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán*

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632

<p>- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ</p> <p>- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ</p> <p>- Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường</p> <p>- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt mức bình thường không được phản ánh vào nguyên giá TSCĐHH</p> <p>- Lập dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho.</p>	<p>- Hoàn nhập khoản dự phòng.</p> <p>- Trị giá hàng bán trả lại nhập kho</p> <p>- Kết chuyển vào TK 911 để XĐKQKD.</p>
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>	<p>Tổng phát sinh Có</p>

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.2.1.2. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp

Ghi chú:

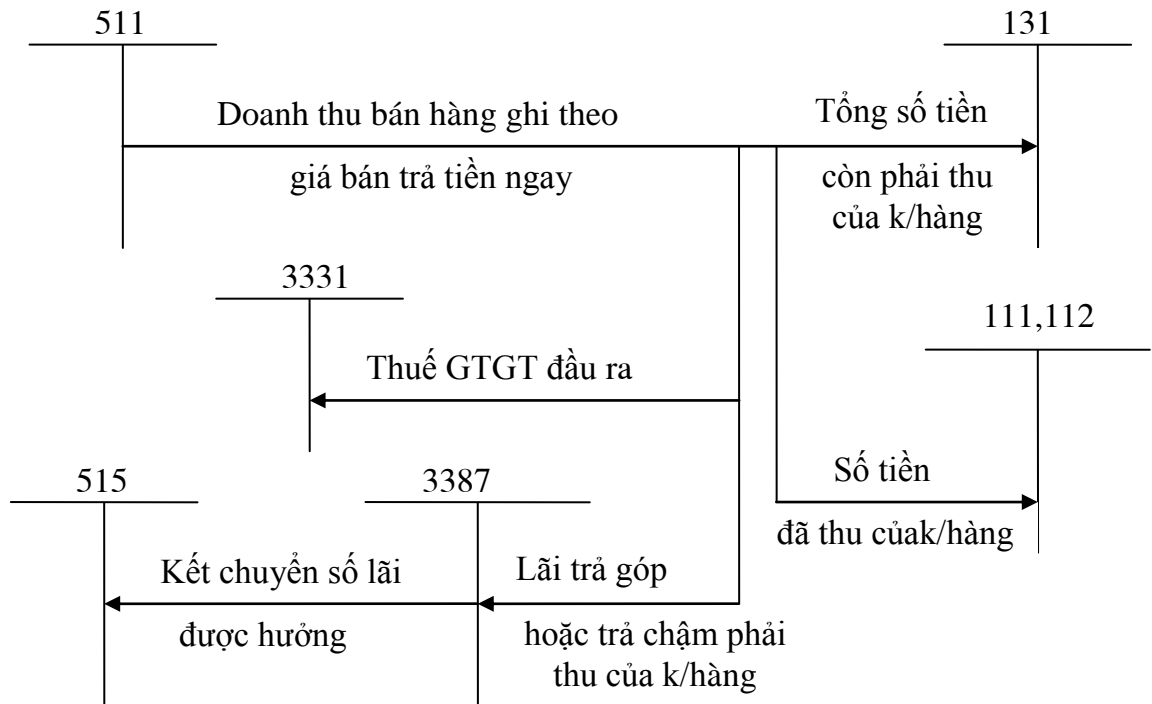
K/c : Kết chuyển

GVHB : Giá vốn hàng bán

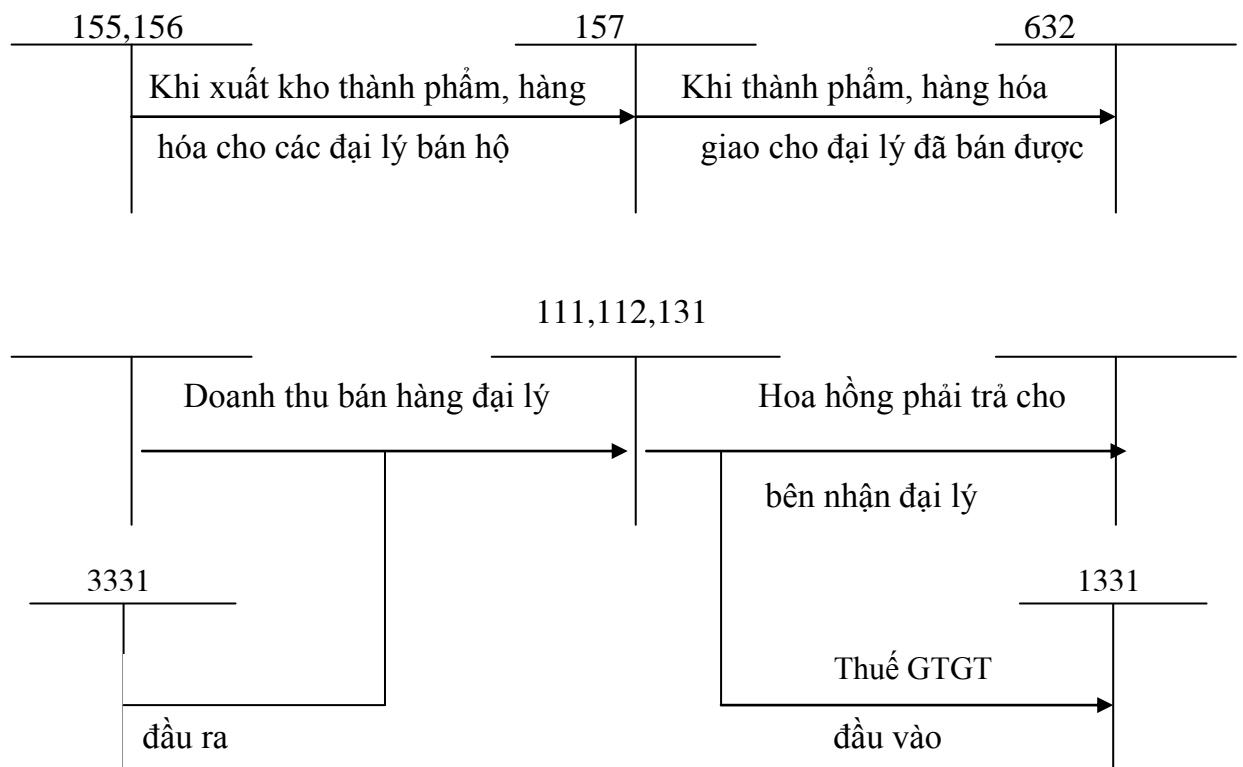
DT : Doanh thu

DTBH : Doanh thu bán hàng

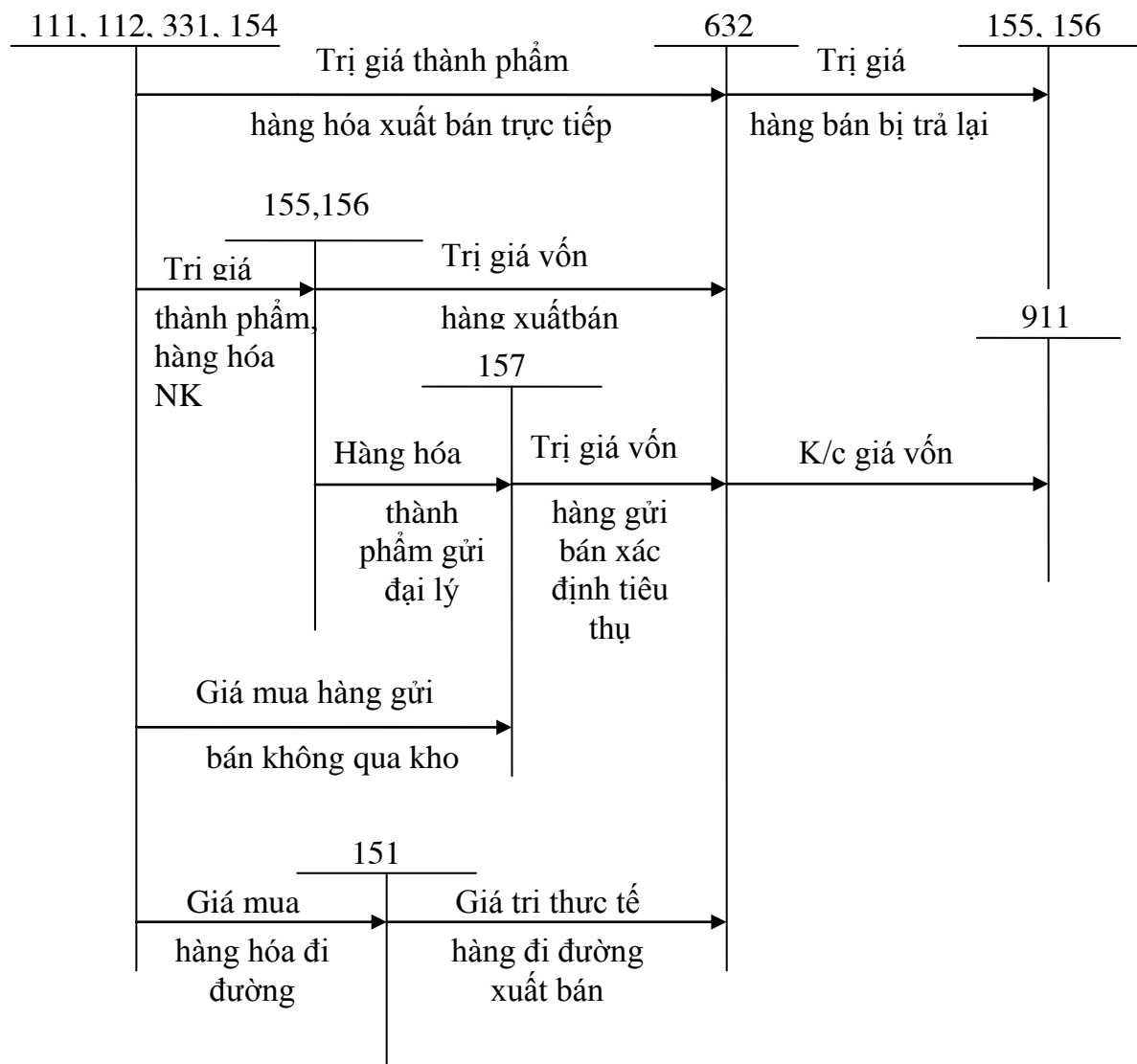
C/K : Chiết khấu



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng



Sơ đồ 1.6: *Hạch toán giá vốn hàng bán*

Ghi chú:

K/c : Kết chuyển

NK : Nhập kho

1.2.2. Nội dung công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.2.1. Tài khoản kế toán sử dụng.

➤ *Tài khoản 641: Chi phí bán hàng*

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 641

<p>- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.</p>	<p>- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán</p> <p>- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để XĐKQKD</p>
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và gồm 7 tiểu khoản:

TK 6411: Chi phí nhân viên.

TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.

TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định.

TK 6415: Chi phí bảo hành.

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6418: Chi phí khác bằng tiền.

➤ *Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 642

<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả - Dự phòng trợ cấp mất việc làm 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. - Kết chuyển chi phí QLDN sang TK 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và gồm 8 tiểu khoản:

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.

TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.

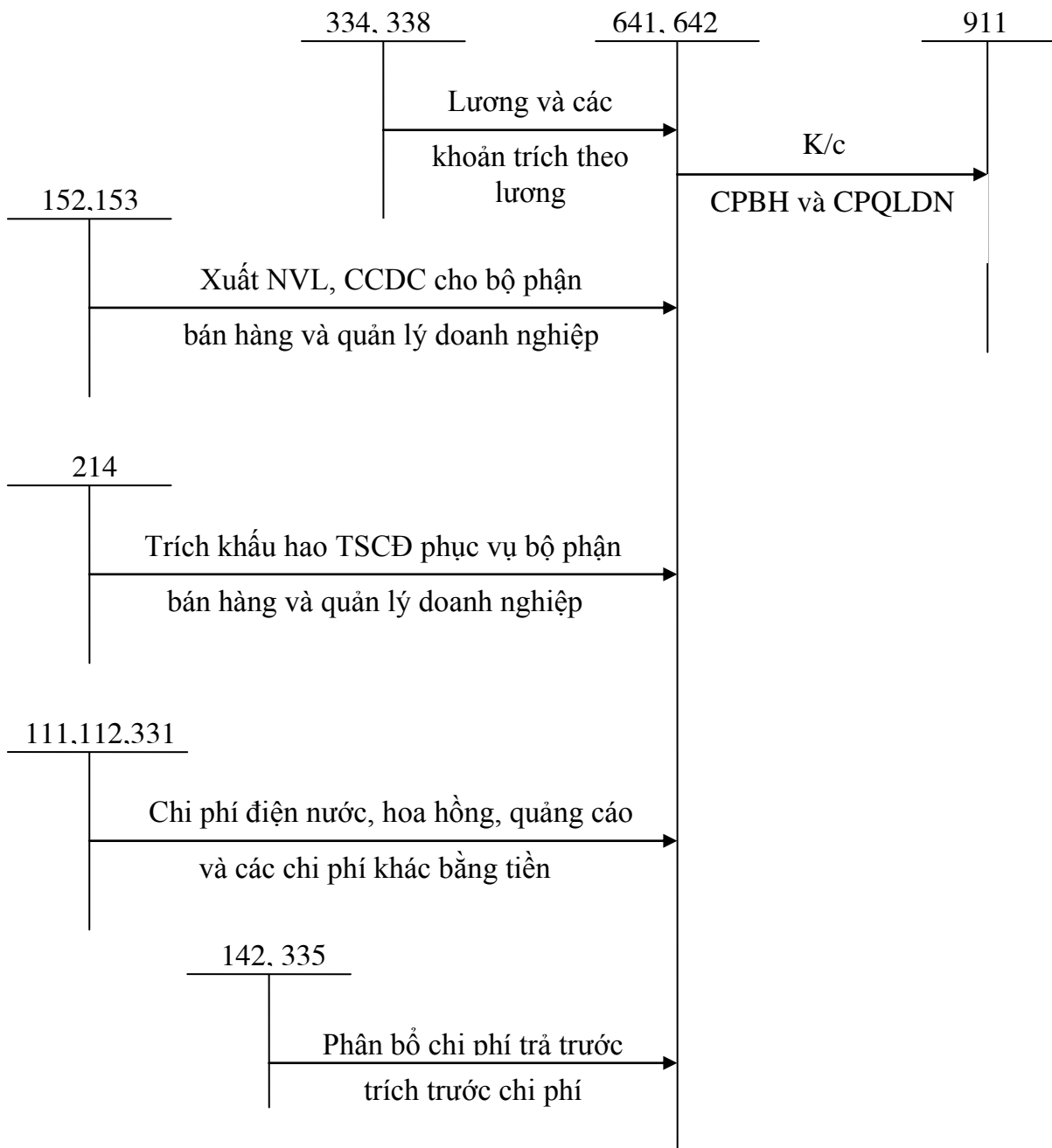
TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.

TK 6426: Chi phí dự phòng.

TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6428: Chi phí khác bằng tiền.

1.2.2.2. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Ghi chú:

K/c : Kết chuyển

CPBH : Chi phí bán hàng

CPQLDN : Chi phí quản lý doanh nghiệp

NVL, CCDC : Nguyên vật liệu; Công cụ dụng cụ

TSCĐ : Tài sản cố định

1.2.3. Nội dung công tác kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.2.3.1. Tài khoản kế toán sử dụng.

- *Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính.*

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 515

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia, chênh lệch do bán ngoại tệ - Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

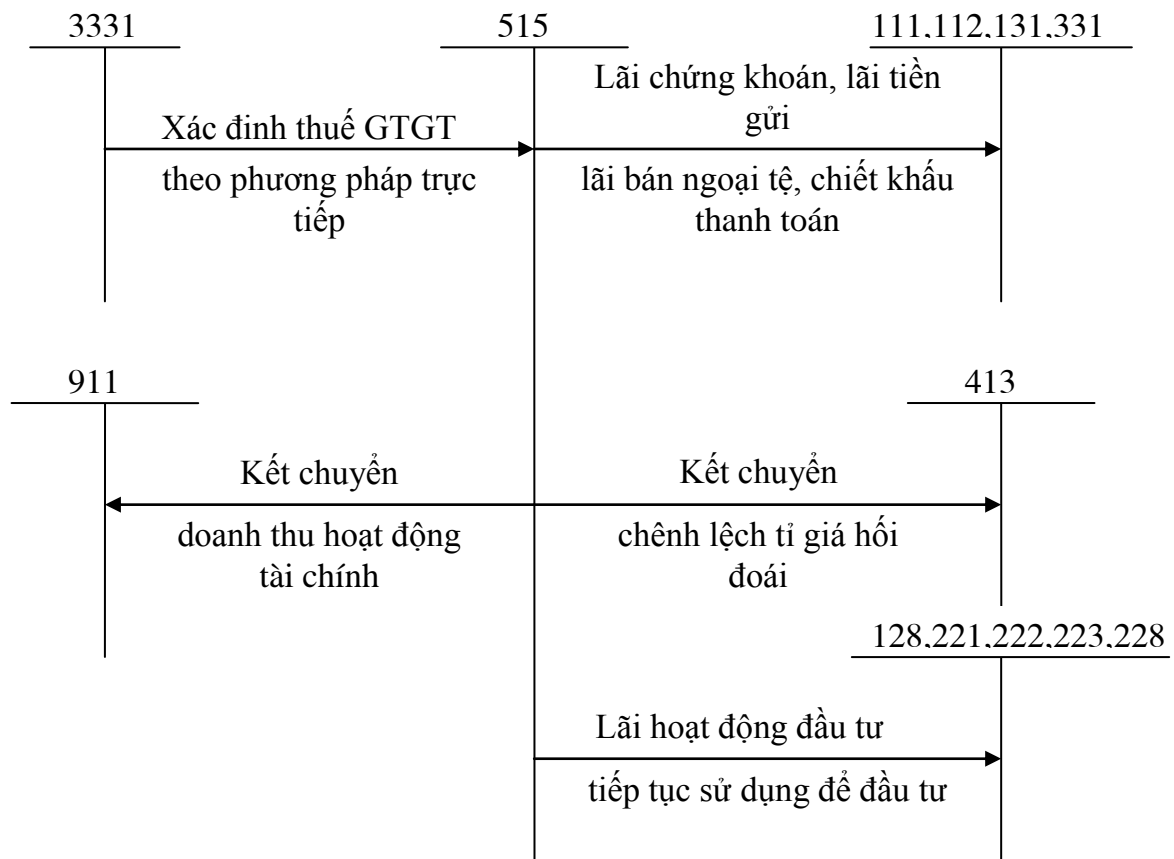
- *Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính.*

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 635

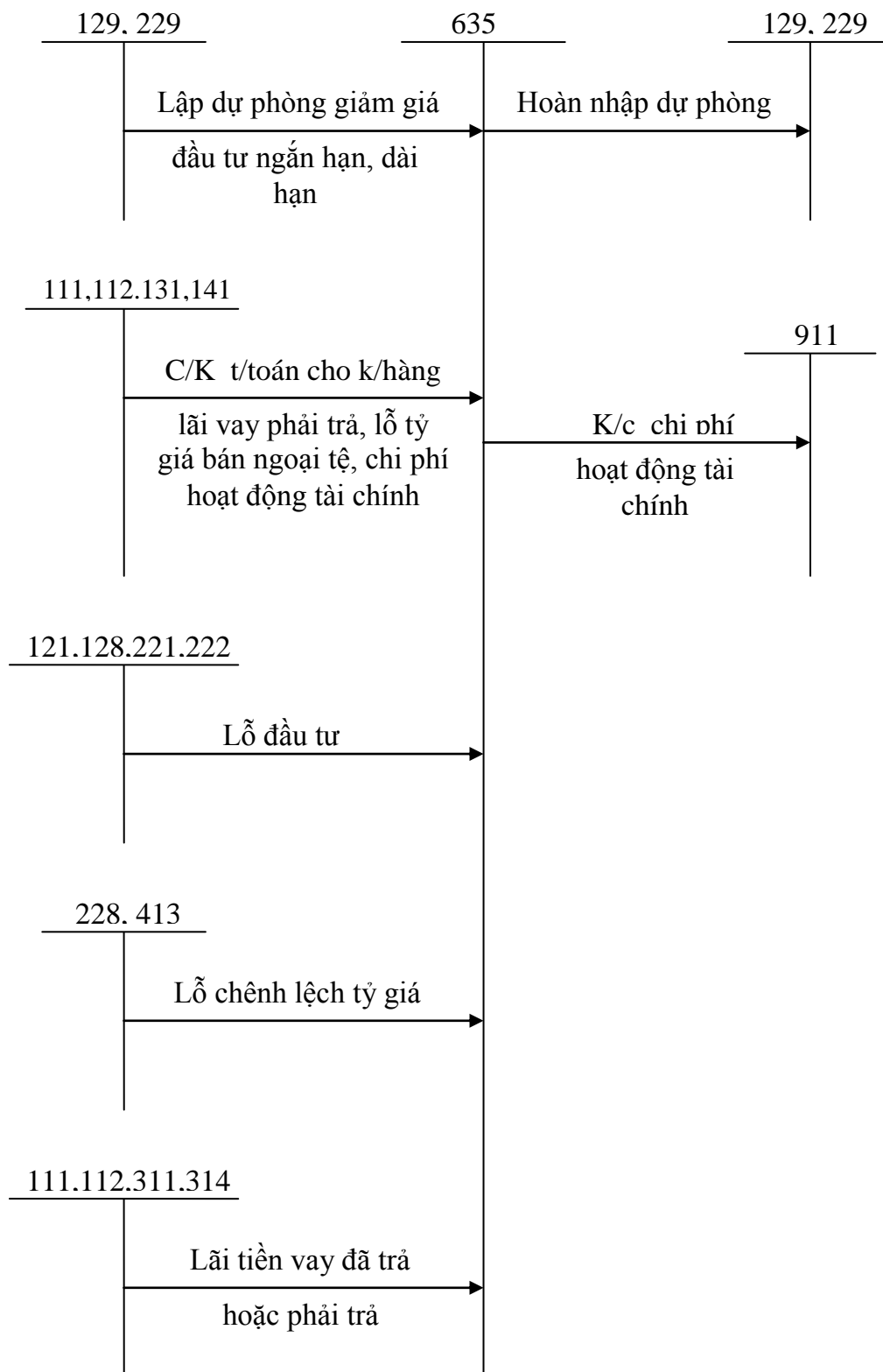
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính. - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn. - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.2. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.9: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính

Ghi chú:

K/c : Kết chuyển

C/K : Chiết khấu

1.2.4. Nội dung công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.4.1. Tài khoản kế toán sử dụng.

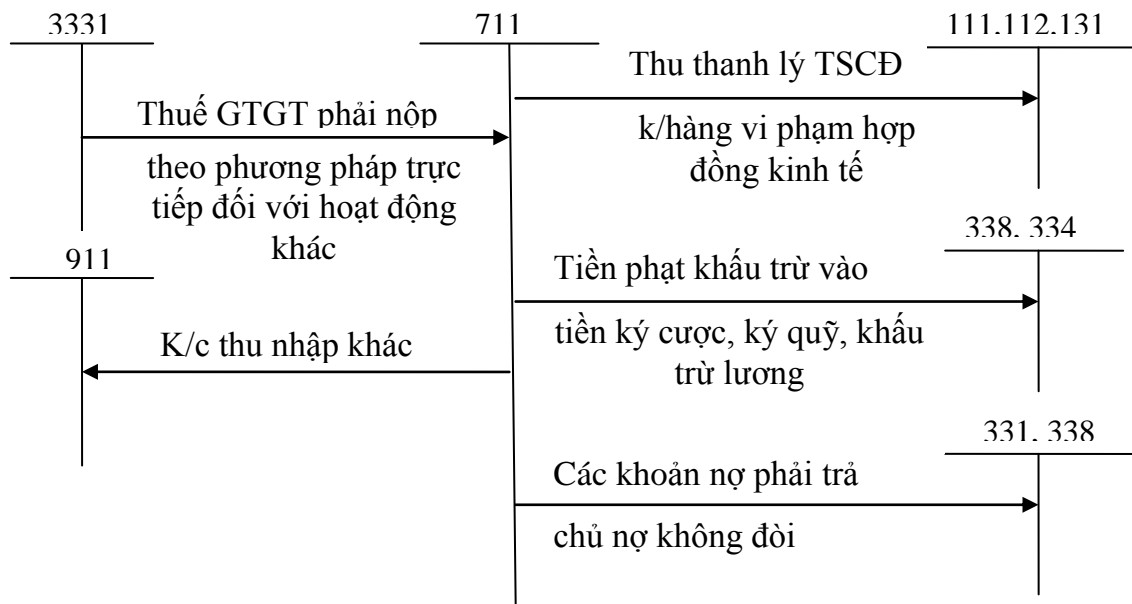
- Tài khoản 711: Thu nhập khác và Tài khoản 811: Chi phí khác

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 711, 811

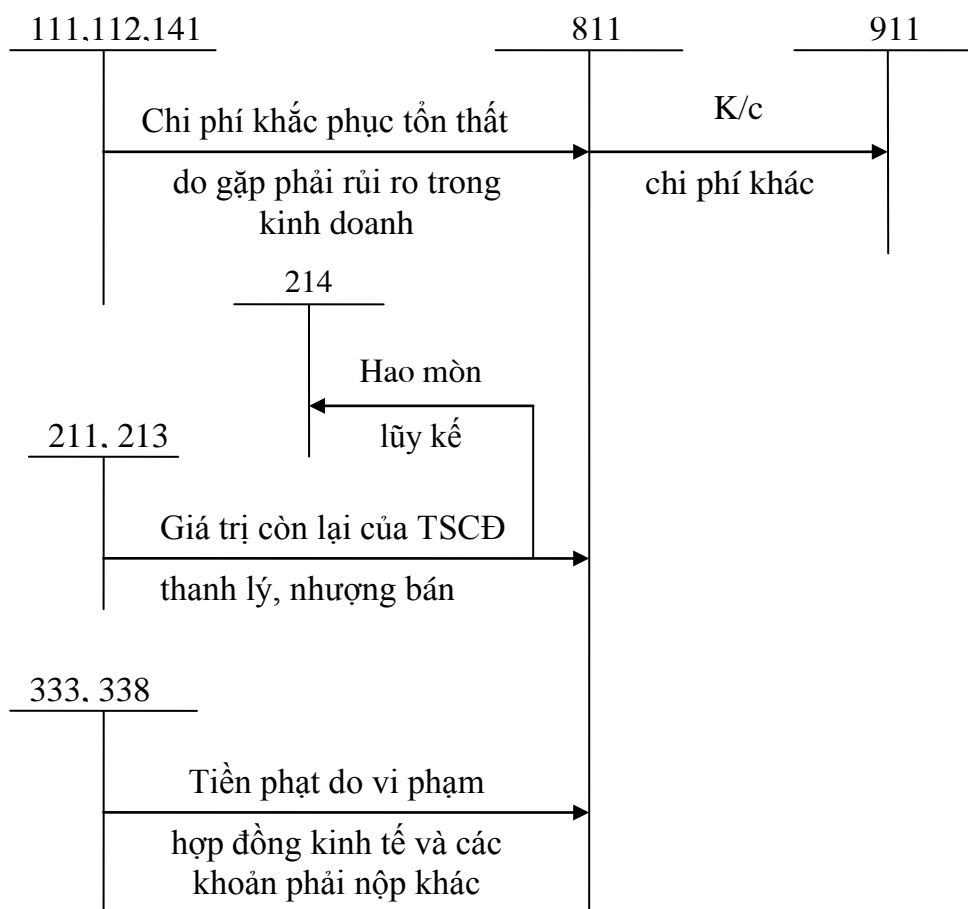
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp - Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911 - Các khoản chi phí khác phát sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót. - Các khoản thu nhập khác
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 711 và 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.2. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.5. Nội dung công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.5.1. Tài khoản kế toán sử dụng.

➤ *Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh.*

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 911	
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Chi phí bán hàng và QLDN. - Chi phí tài chính. - Chi phí khác. - Chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính. - Thu nhập khác. - Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lỗ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

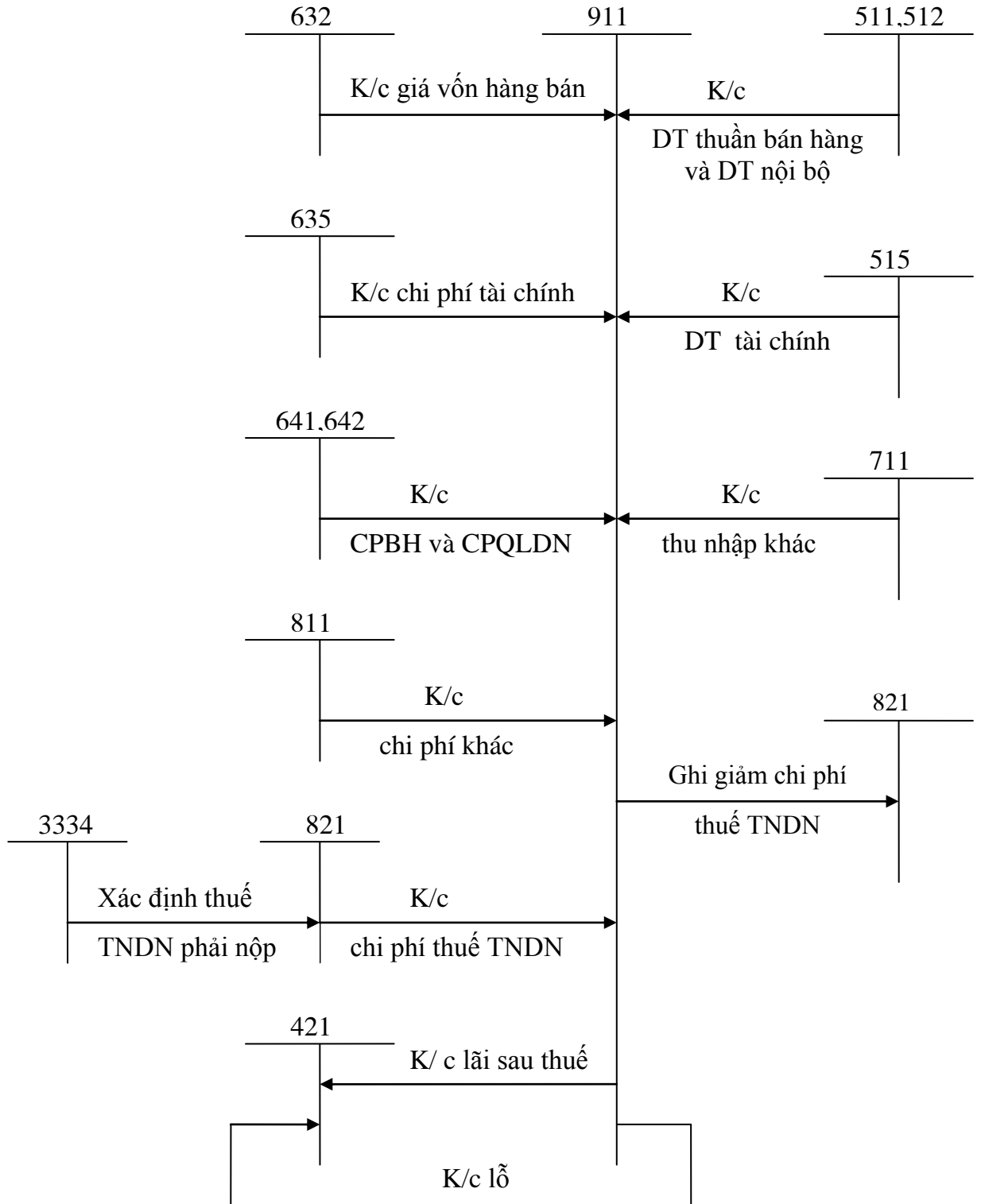
➤ *Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế.*

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 421	
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà cung cấp, các bên tham gia liên doanh - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh - Nộp lợi nhuận lên cấp trên 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được đền bù - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 421 có thể có số dư bên Nợ hoặc bên Có

- Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

1.2.5.2. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú sơ đồ 1.12:

K/c : Kết chuyển

DT : Doanh thu

CPBH : Chi phí bán hàng

CPQLDN : Chi phí quản lý doanh nghiệp

TNDN : Thu nhập doanh nghiệp

1.3. VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

Hình thức kế toán là việc quy định mở những loại sổ sách kế toán nào đó để phản ánh các đối tượng kế toán, kết cấu của từng loại sổ, trình tự, phương pháp ghi sổ và mối quan hệ giữa các loại sổ.

Theo chế độ kế toán hiện hành có 5 hình thức kế toán được sử dụng như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Do phạm vi của bài luận văn có hạn nên để phục vụ cho việc khảo sát thực tế tại Công ty Cổ phần Việt Thịnh nên em xin trình bày hình thức Nhật ký chung và hình thức kế toán trên máy

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

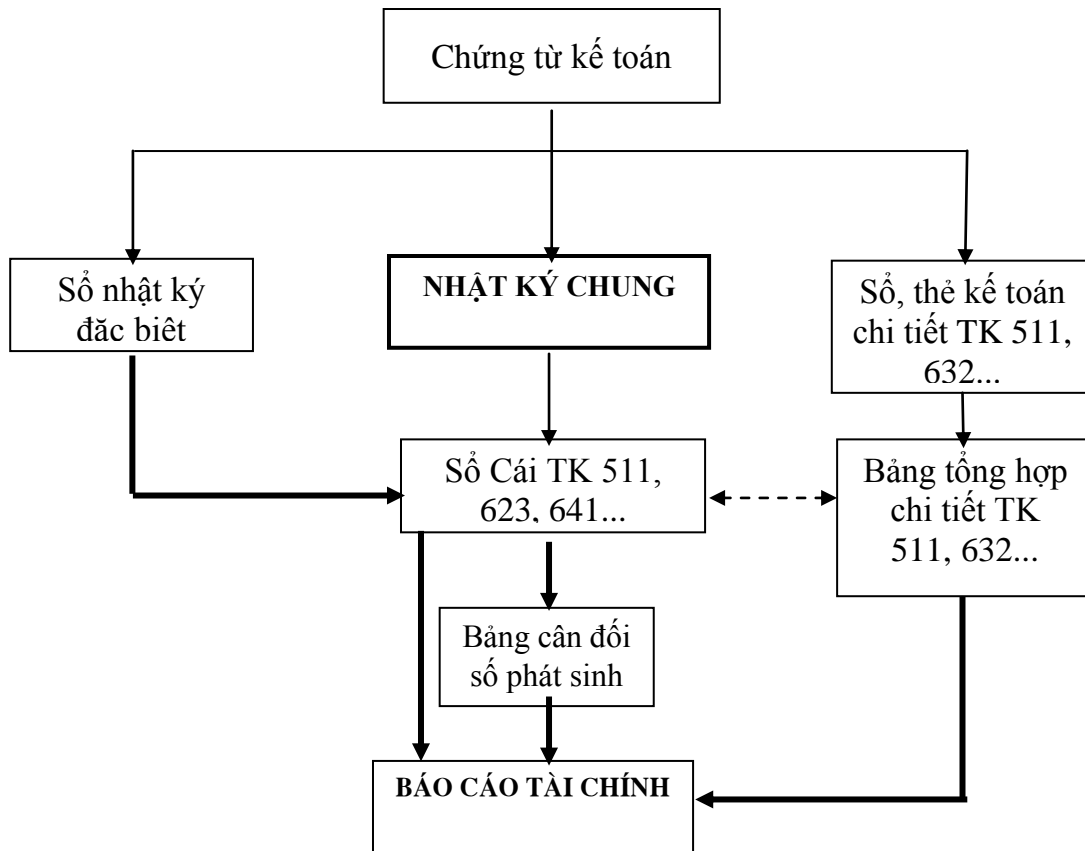
➤ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản:

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung.
- Ghi và định khoản theo thời gian phát sinh nghiệp vụ.
- Lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

➤ Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 511, 512, 531, 532, 632, 911, 421.....
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

➤ Trình tự ghi sổ:



Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung áp dụng trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

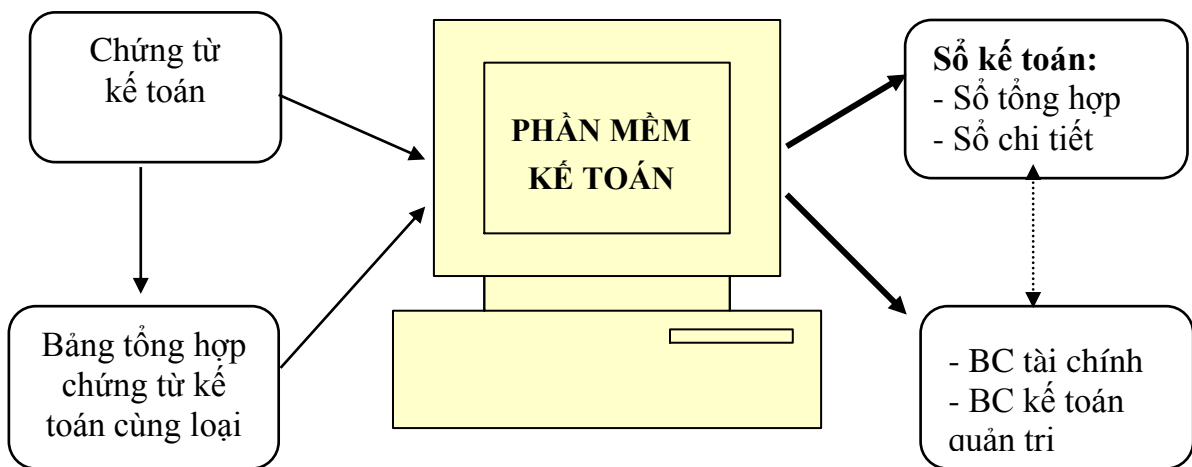
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ (cuối tháng, quý)
- ←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

1.3.2. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

➤ *Đặc trưng cơ bản:* Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Kế toán sử dụng một trong bốn hình thức kế toán trên để xây dựng lên một phần mềm kế toán. Kế toán chỉ việc nhập chứng từ gốc, máy tính sẽ xử lý và in ra các sổ kế toán, các báo cáo kế toán, báo cáo quản trị theo một chương trình đã được viết sẵn.

➤ *Trình tự ghi sổ kế toán máy:*



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- ←---→ Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THỊNH

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THỊNH.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển tại Công ty cổ phần Việt Thịnh.

Công ty cổ phần Việt Thịnh là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng và tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Trải qua 6 năm hình thành - phát triển và vượt qua không ít khó khăn, Công ty không ngừng lớn mạnh và đã trở thành một công ty kinh doanh đa ngành, đa nghề

➤ *Một vài nét chung về Công ty cổ phần Việt Thịnh:*

- Tên công ty: **Công ty cổ phần Việt Thịnh**

- Tên giao dịch: Viet thinh Joint Stock Company (VJC)

- Trụ sở giao dịch: 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Điện thoại: 0313.650114

Fax: 0313.650.130

- Email: vietthinhjsc@hn.vnn.vn

Web: vietthinhjsc.com

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 020300032 do sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 12/06/2002

- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt Thịnh.

2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng và san lấp mặt bằng, xây dựng đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp đến 500KV, lắp đặt công trình điện máy, kinh doanh bất động sản. Đầu tư kinh doanh phát triển đô thị và phát triển nhà.

- Kinh doanh tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, máy móc, thiết bị, phụ tùng đại lý, kinh doanh thiết bị giáo dục.

2.1.2.2 Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Việt Thịnh

Xây dựng công trình thủy lợi giao thông điện nước, đường dây trạm biến thế. Công ty đã xây dựng nhiều công trình có chất lượng cao như công trình nhà máy giấy Điện Biên. Nhà văn hoá huyện An Lão. Nhà trẻ mẫu giáo BCH quân sự, khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, nhà ở 2 tầng trung đoàn 50, nhà thực hành động lực trường ĐHHH, nhà làm việc thương mại Công ty xăng dầu đường thủy và nhiều trường học trong toàn thành phố.

➤ *Những thành tích mà Công ty đã đạt được:*

Tuy là một doanh nghiệp còn non trẻ, nhưng nhờ vào sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Ban lãnh đạo công ty, cùng với sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình, ham học hỏi của đội ngũ cán bộ quản lý cũng như người lao động trong công ty mà tình hình của công ty luôn được cải thiện, thành tích đạt được của Công ty qua các năm đã được nâng lên một cách rõ rệt.

Trong suốt quá trình phát triển từ năm 2002 đến năm 2009, công ty luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư những công trình đạt tiêu chuẩn chất lượng, có giá trị thiết thực với xã hội tại các tỉnh thành trong cả nước. Đảm nhận nhiều công trình trọng điểm và đòi hỏi kỹ thuật cao.

Và để thấy rõ hơn sự cố gắng của Công ty chúng ta hãy nhìn vào một số chỉ tiêu tài chính trong 2 năm 2008 và 2009 mà Công ty đã đạt được như sau:

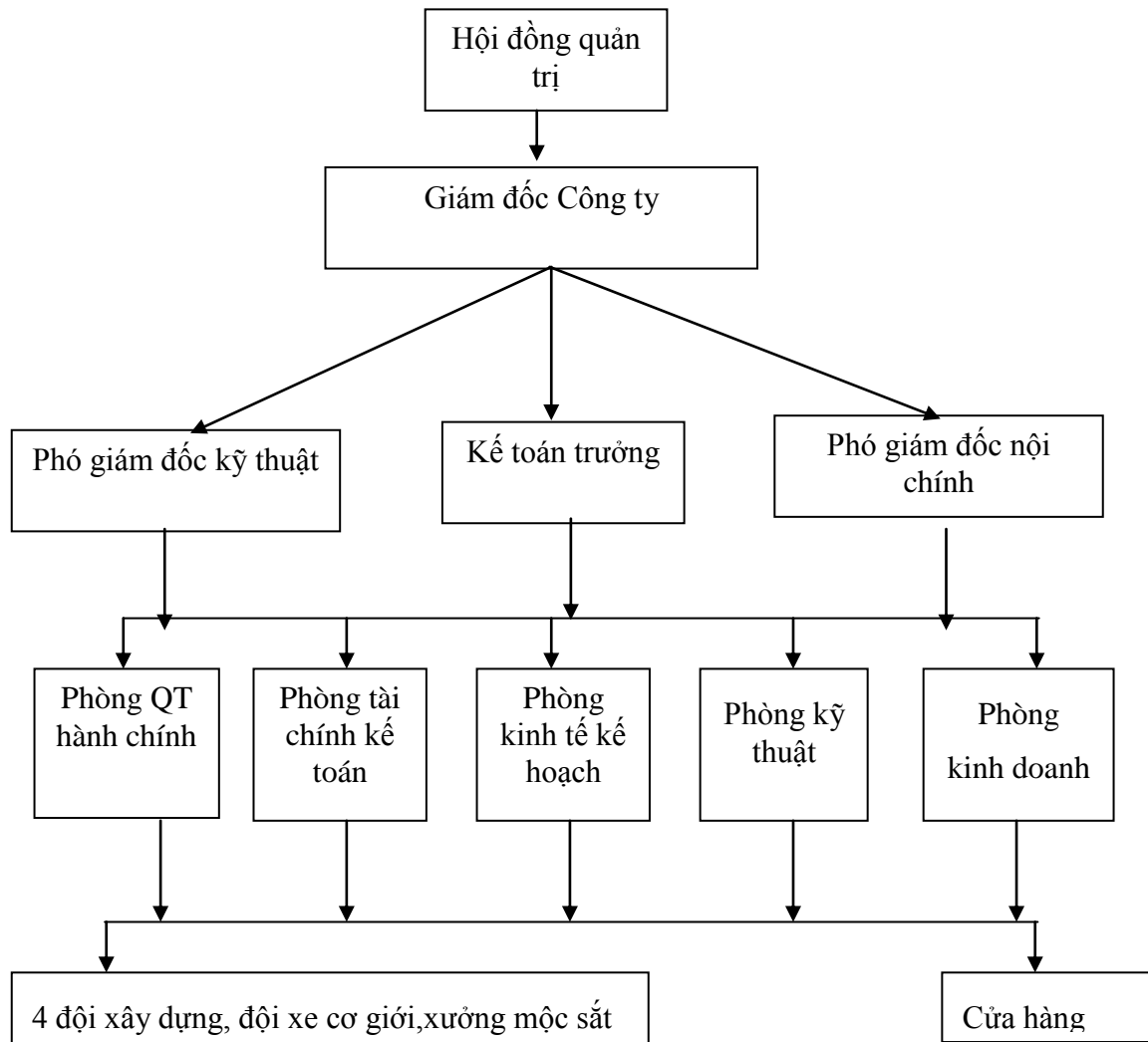
Biểu số 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính trong 2 năm 2008, 2009 tại Công ty
Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.253.942.853	48.562.438.004	19.308.495.421	39,76
Giá vốn hàng bán	26.293.886.487	45.814.970.150	19.521.083.663	42,6
Lợi nhuận trước thuế	1.373.380.099	791.969.759	- 581.410.340	73,41

(Nguồn tài liệu: Trích Báo cáo tài chính năm 2009)

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.

Căn cứ vào yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần Việt Thịnh tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến tham mưu. Với cơ cấu này các phòng ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc. Thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Việt Thịnh

➤ *Nhiệm vụ, chức năng chủ yếu của các phòng ban trong Công ty:*

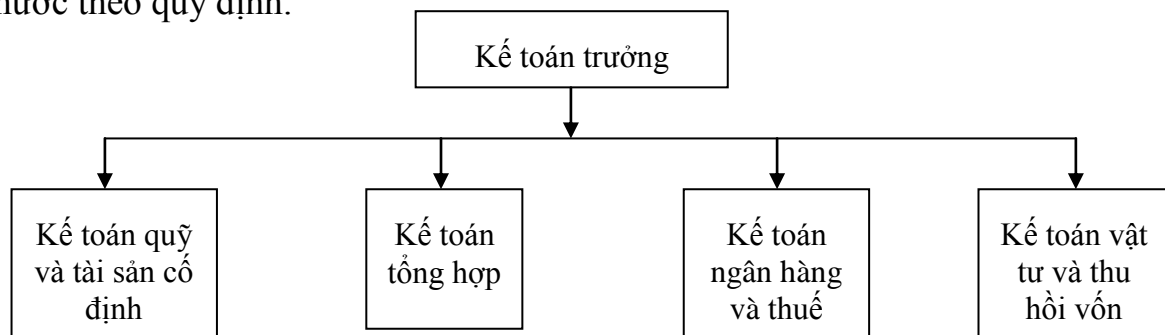
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quyền lực cao nhất ở Công ty có quyền nhân danh Công ty quyết định cả vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

- Giám đốc công ty: Là người đứng đầu công ty, chịu trách nhiệm trước Công ty và Nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh Công ty.

- Phó giám đốc nội chính: Là người có trách nhiệm thay thế Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty
- Phó giám đốc kỹ thuật: Có trách nhiệm kiểm tra đôn đốc theo dõi mọi công việc thuộc lĩnh vực kỹ thuật của Công ty
- Phòng kinh doanh (gồm các chi nhánh kinh doanh thương mại, các đại lý): Tham mưu và giúp việc cho Giám đốc về việc xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Phòng kinh tế kế hoạch : Có chức năng tham mưu cho Giám đốc về kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, lập báo cáo kế hoạch sản xuất hàng tháng, hàng quý, hàng năm.
- Phòng tổ chức lao động : Tham mưu cho Giám đốc về công việc quản lý lao động, bố trí, sắp xếp cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- Phòng kỹ thuật thi công: Chịu trách nhiệm về kỹ thuật cho các công trình như vẽ, thiết kế, phân tích vật tư ..., tổ chức tham gia đấu thầu, làm bài thầu; tính toán định mức, kỹ thuật phục vụ cho thi công xây dựng công trình.
- Phòng tài chính kế toán : Có chức năng huy động vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần Việt Thịnh.

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung ở phòng kế toán. Tại phòng tài chính- kế toán, kế toán tiến hành kiểm tra chứng từ ban đầu, phân loại xử lý ghi sổ, hệ thống hoá số liệu, thực hiện chế độ báo cáo tài chính tháng, quý, năm để cung cấp thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản lý tài chính và cung cấp với các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.



Sơ đồ 2.2: Cơ cấu bộ máy của phòng tài chính kế toán

➤ *Phòng tài chính- kế toán có 5 cán bộ nhân viên kế toán được phân công cụ thể như sau:*

- Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, cấp trên và Nhà nước về thông tin kế toán cung cấp, tổ chức điều hành công tác kế toán của Công ty, đôn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo và kiểm tra các công việc do các nhân viên kế toán thực hiện, đồng thời phải ký duyệt quyết toán quý, năm theo đúng quá trình kinh doanh.

- Thủ quỹ kiêm kế toán công cụ dụng cụ, tài sản cố định: Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu chi đối với các chứng từ đã được phê duyệt, ghi chép kế toán chi tiết tài sản cố định công cụ dụng cụ. Tính khấu hao tài sản cố định, phân bổ công cụ dụng cụ. Lập báo cáo kế toán về tình hình tăng giảm tài sản cố định

- Kế toán vật tư và thu hồi vốn: Chịu trách nhiệm quản lý, thống kê, theo dõi, số lượng vật tư nhập xuất dùng cho các công trình, đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu căn cứ vào dự toán của mỗi công trình. Đồng thời căn cứ vào giá trị phải thu theo kế hoạch thu vốn theo tháng.

- Kế toán ngân hàng và thuế: Căn cứ vào kế hoạch đầu tư thi công, nhu cầu vốn sản xuất được quyết để lập giấy đề nghị vay vốn. Thực hiện thanh toán đối với các đơn vị có liên quan bằng chuyển khoản. Đồng thời, hàng tháng tập hợp hoá đơn kê khai thuế đầu vào và căn cứ giá trị sản lượng thực hiện tính doanh thu kê khai thuế đầu ra với cơ quan thuế.

- Kế toán tổng hợp: Là người có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán của các bộ phận kế toán khác chuyển sang, thực hiện các bút toán kết chuyển khoá sổ kế toán cuối kỳ. Lập các báo cáo tài chính và báo cáo kế toán. Đồng thời có nhiệm vụ hạch toán quá trình mua bán hàng, viết phiếu thu chi, theo dõi chi tiết các tài khoản 331 đối với từng khách hàng, kế toán thuế, kế toán ngân hàng, quản lý các hoá đơn.

2.1.5. Tổ chức hình thức kế toán tại Công ty cổ phần Việt Thịnh

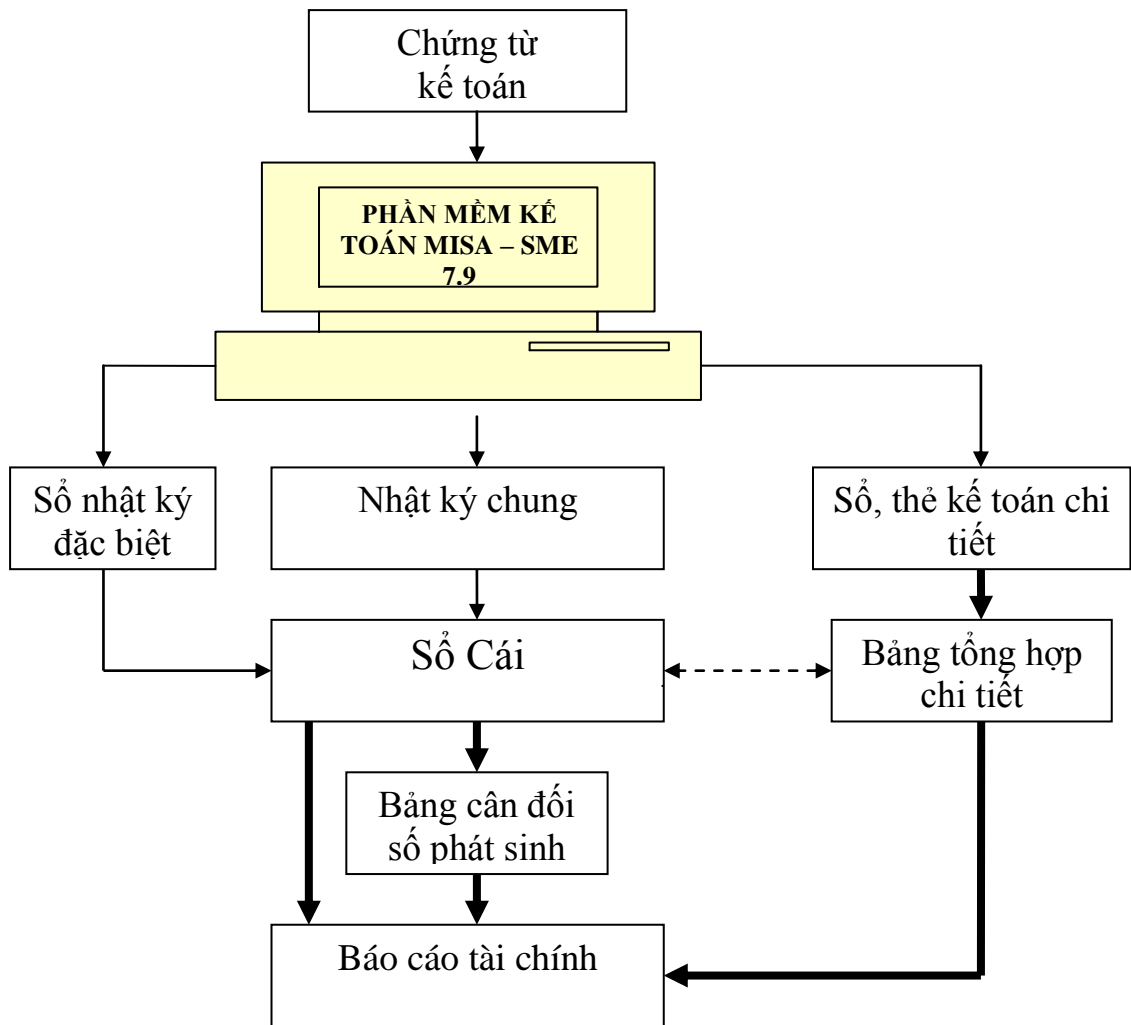
➤ *Hình thức kế toán Công ty áp dụng:*

Công ty cổ phần Việt Thịnh tổ chức thực hiện và vận dụng thống nhất hệ thống tài khoản và sổ kế toán theo Quyết Định số 15/2006 ngày 20/3/2006 của BTC

- Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán Việt Nam.
- Kỳ kế toán năm : Bắt đầu từ ngày 01/01 , kết thúc ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng (VND).
- Phương pháp tính khấu hao : Theo phương pháp đường thẳng.
- Hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân liên hoàn.

➤ *Trình tự ghi chép sổ:*

Các nhật ký sổ tổng hợp sổ chi tiết, đều được khai báo trong máy vi tính theo đúng các mẫu sổ sách theo quy định của chế độ kế toán hiện hành. Các nghiệp kinh tế phát sinh hằng ngày hoặc các bút toán kết chuyển thực hiện vào cuối tháng, cuối quý đều phải được định khoản, cập nhật vào máy vi tính. Các bộ phận kế toán có nhiệm vụ in các bảng kê, sổ chi tiết, sổ tổng hợp và các nhật ký, kiểm tra tính chính xác và hợp lý của số liệu, thực hiện quan hệ đối chiếu giữa các bộ phận và các sổ có liên quan, lưu trữ sổ sách đúng chế độ quy định



Sơ đồ 2.3: Quá trình luân chuyển chứng từ theo hình thức nhật ký chung trên máy vi tính tại Công ty cổ phần Việt Thịnh.

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, cuối kỳ
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

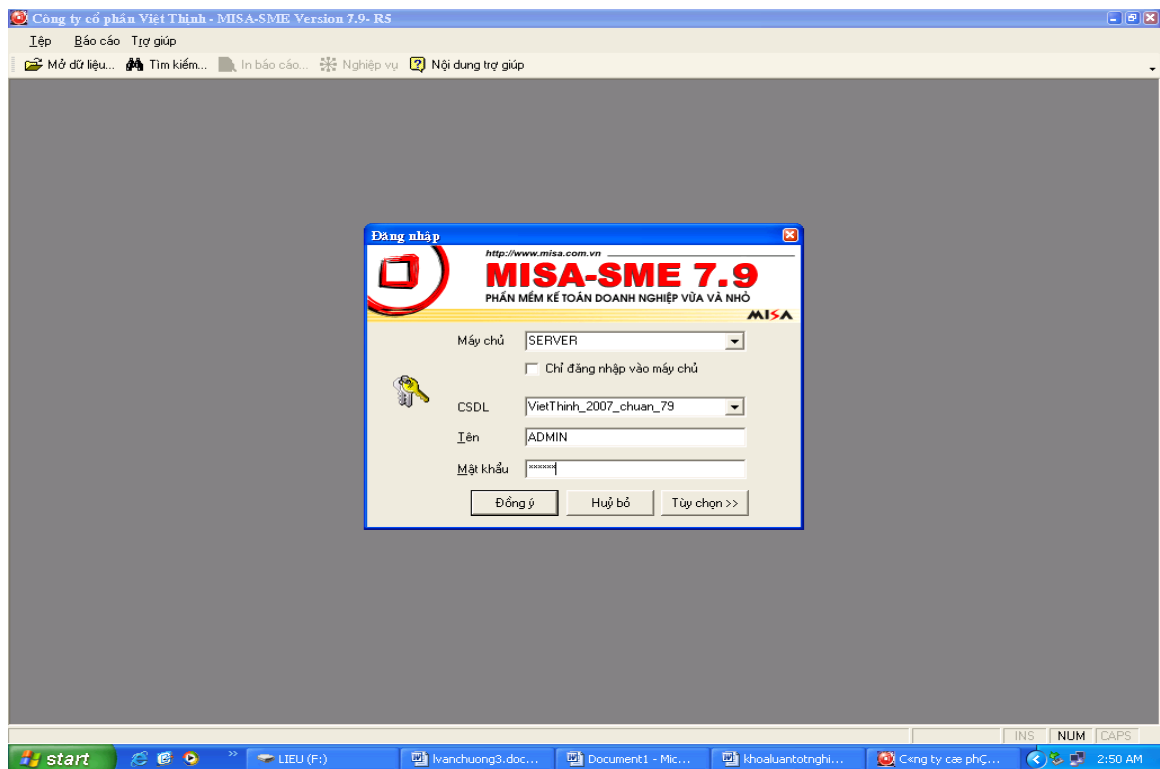
1) Khởi động phần mềm MISA- SME phiên bản 7.9.

Trong môi trường Windows: *Start => Programs => MISA- SME Version 7.9*
=> MISA – SME Version => Xuất hiện hộp hội thoại đăng nhập(Hình ảnh 01).

2) Điền đầy đủ thông tin chi tiết trên hộp hội thoại.

- Máy chủ: Server
- CSDL (cơ sở dữ liệu): VietThinh_2007_chuan_79
- Tên: ADMIN
- Mật khẩu: *****

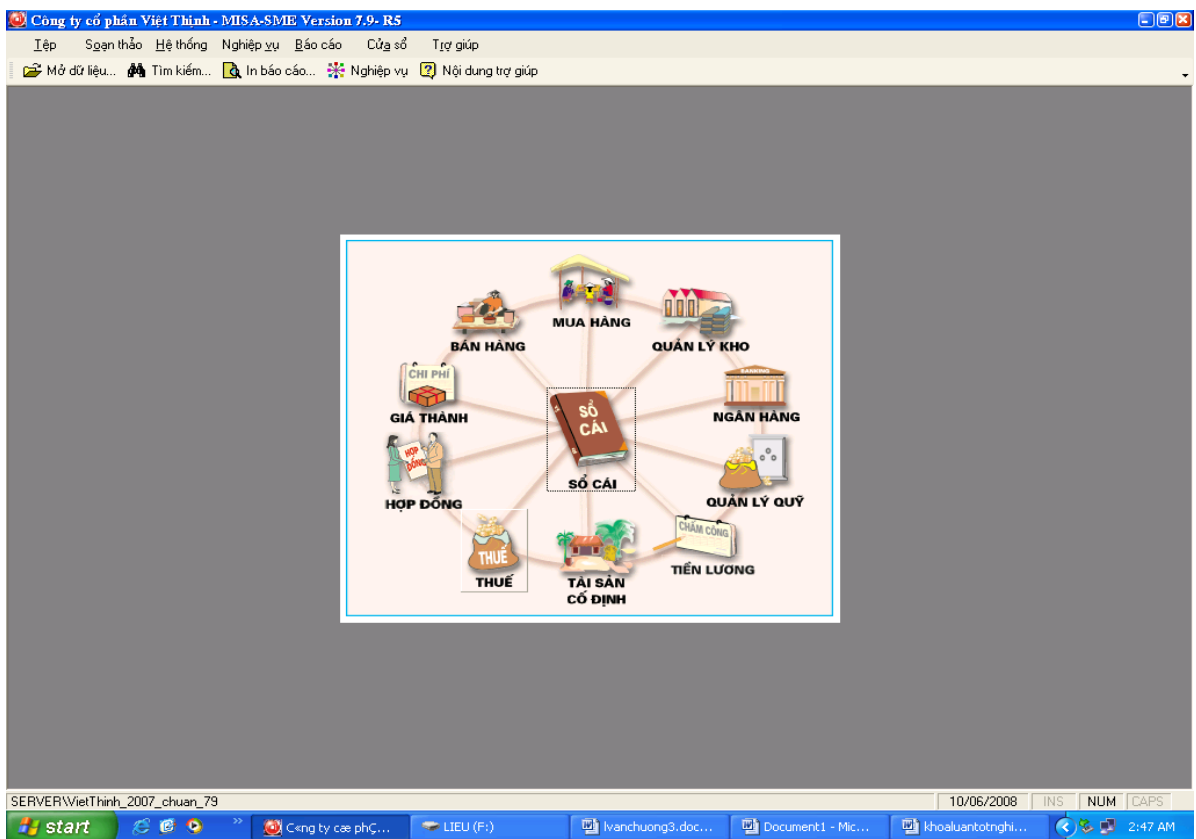
Hình ảnh 01



- Sau đó nhấn nút “Đồng ý”. Truy cập thành công sẽ xuất hiện màn hình chính (**Hình ảnh 02**).Màn hình này hiển thị đầy đủ các menu cho phép khai báo thông tin, cập nhật các số liệu kế toán, xem sổ sách và in ấn báo cáo...

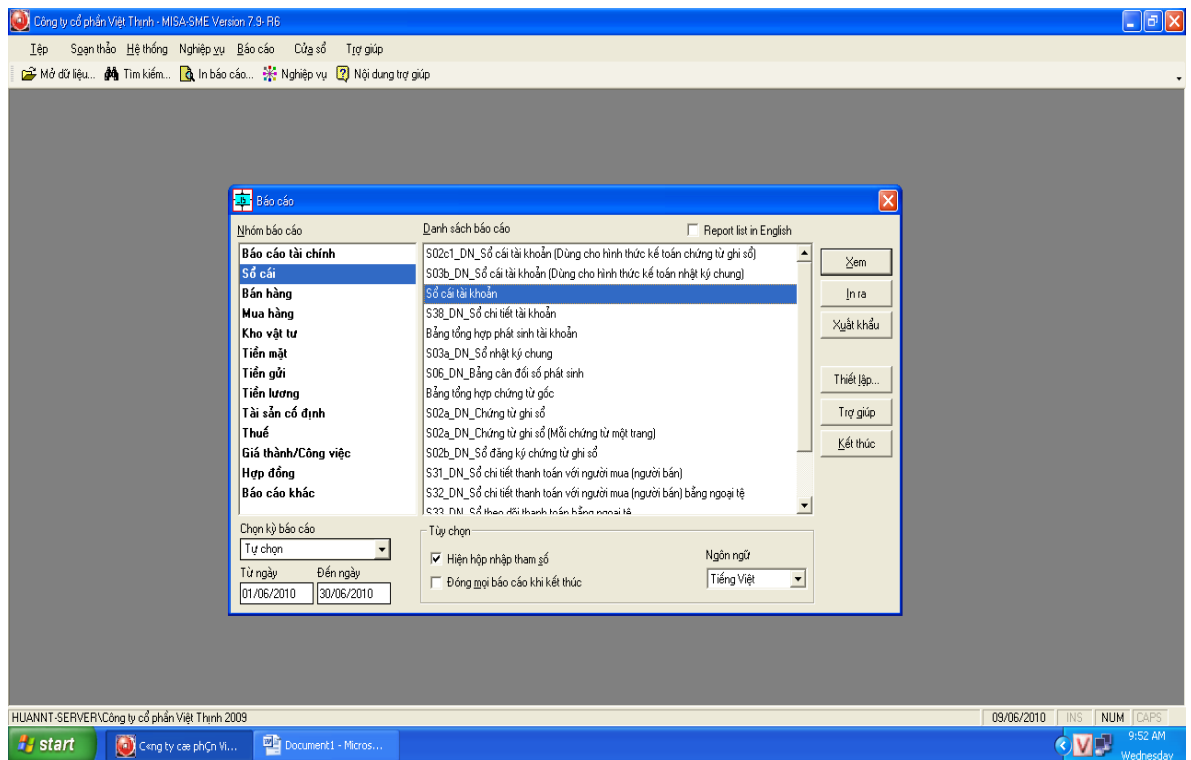
o Nếu muốn thực hiện nghiệp vụ kế toán, ta chọn trên màn hình chính phân hệ phù hợp. VD: thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến thuế, ta chọn phân hệ “Thuế”, cập nhật số liệu từ các chứng từ có liên quan, máy tính sẽ tự động vào các sổ sách.

Hình ảnh 02



○ Nếu muốn xem Sổ sách (Sổ cái, Sổ chi tiết...), Báo cáo tài chính, trên thanh công cụ của màn hình chính, chọn “*Báo Cáo*”, rồi lựa chọn mục cần xem (Hình ảnh 03).

Hình ảnh 03



2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THỊNH.

2.2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

➤ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*

- Là một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, đa nghề với các lĩnh vực: xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi và kinh doanh thương mại, Công ty cổ phần Việt Thịnh có doanh thu chủ yếu từ : các công trình đã hoàn thành và bàn giao; từ cung cấp các sản phẩm, hàng hóa

- Công ty bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp. Theo phương thức này, bên khách hàng ủy quyền cho cán bộ nghiệp vụ đến doanh nghiệp nhận hàng

(chứng thư). Khách hàng sau khi ký nhận vào chứng từ bán hàng của doanh nghiệp thì hàng hóa được xác định là đã bán (hàng hóa đã chuyển quyền sở hữu).

- Công ty đang áp dụng hình thức tiêu thụ trực tiếp và hai hình thức thanh toán là:

+ Hình thức thanh toán ngay: khi công ty cung cấp dịch vụ, sản phẩm, hàng hóa cho khách hàng, công ty thu được tiền ngay (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...)

+ Hình thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay, vì vậy kế toán phải theo dõi công nợ phải thu qua sổ chi tiết TK 131, sổ tổng hợp chi tiết TK 131, sổ cái TK 131...

➤ Công ty không phát sinh Doanh thu bán hàng nội bộ - TK 512 và Các khoản giảm trừ doanh thu - TK 521, TK 531, TK 532.

2.2.2. Phương pháp hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

2.2.2.1. Tài khoản kế toán, chứng từ và sổ sách sử dụng.

➤ Tài khoản sử dụng:

Để thuận tiện và chính xác trong việc hạch toán, công ty đã mở các tiểu khoản và sổ chi tiết để theo dõi chi tiết các từng loại doanh thu, giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp, xác định kết quả kinh doanh.

- TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ TK 5111 : Doanh thu bán bán hàng hóa

+ TK 5112 : Doanh thu xây lắp công trình

+ TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

- TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

- TK 632 : Giá vốn hàng bán

+ TK 6321: Giá vốn hàng bán thiết bị

+ TK 6322: Giá vốn hàng bán xây lắp

+ TK 6323: Giá vốn hàng bán dịch vụ

- TK 635: Chi phí tài chính

- TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý

- + TK 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425 : Thuế, phí, lệ phí
- + TK 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428 : Chi phí bằng tiền khác
- TK 821 : Chi phí thuế TNDN
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK421 : Lợi nhuận chưa phân phối
 - Các tài khoản khác có liên quan
 - *Chứng từ và sổ sách sử dụng:*
 - Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn bán hàng thông thường.
 - + Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
 - + Hoá đơn GTGT.
 - + Hợp đồng mua bán hàng hoá...
 - + Bản sao kê chi tiết của Ngân hàng.
 - + Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, báo có của ngân hàng.....
 - Sổ sách sử dụng: Sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK, sổ cái TK...

2.2.2.2. Quy trình hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

2.2.2.2.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ *Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại công ty như sau:*

Trước tiên, căn cứ vào hợp đồng mua bán kế toán viết phiếu xuất kho thành phẩm, phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho thành phẩm cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại thành phẩm có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Từ đó kế toán tiêu thụ sẽ lập hoá đơn GTGT về bán thành phẩm.

Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu nội bộ
- + Liên 2: Giao khách hàng
- + Liên 3: Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán

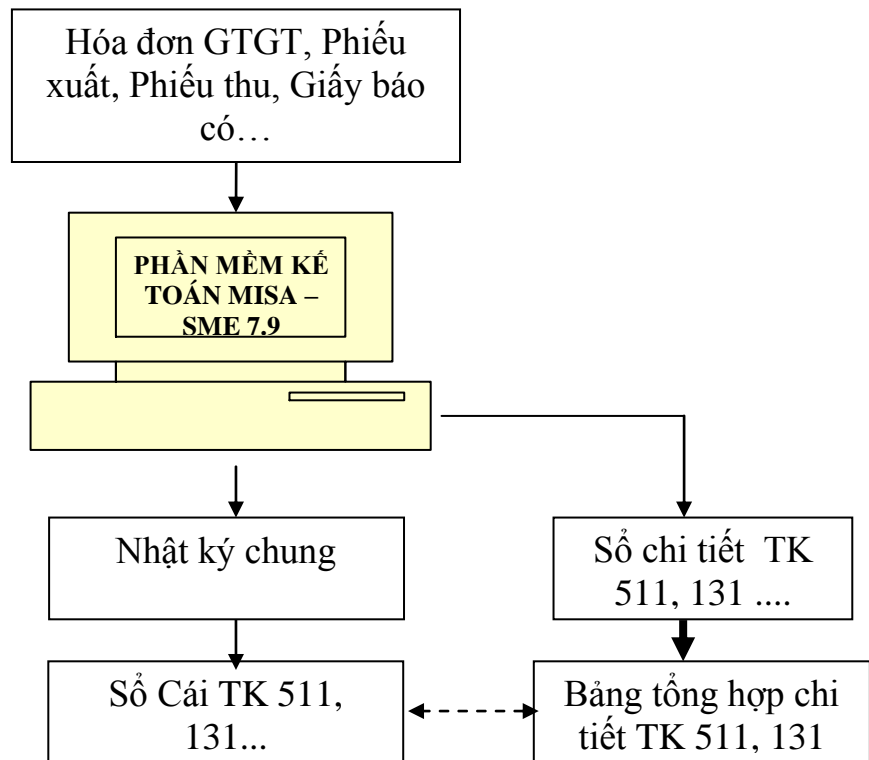
Để phản ánh doanh thu công ty sử dụng TK 511, tùy theo từng loại doanh thu mà kế toán sẽ vào sổ 5111, 5112, 5113.

➤ *Trình tự tiến hành trên máy như sau:*

Căn cứ vào các chứng từ gốc như hoá đơn GTGT hàng bán, phiếu xuất kho, các biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, kế toán tiến hành vào phần mềm kế toán.

Để ghi nhận doanh thu, trên màn hình chính chọn phân hệ: *Bán hàng => Chứng từ phát sinh*, sau đó tiến hành cập nhật số liệu, máy sẽ tự động vào các sổ sách có liên quan.

Để lập phiếu thu, trên màn hình chính, chọn *Quản lý quỹ => Phiếu thu tiền mặt*, cập nhật số liệu rồi in ra phiếu thu.



Sơ đồ 2.4 : Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty cổ phần Việt Thịnh

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, cuối kỳ
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

➤ **Ví dụ 1:** Ngày 06/12/2009 công ty bán một số thiết bị cho UBND quận Lê Chân. Giá trị đơn hàng là: **40.506.954 đồng** (thuế suất 10%).

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0015748, Phiếu xuất kho số PX1179 kế toán tiến hành vào phần mềm kế toán để in ra phiếu thu số PT01164. Phần mềm máy tính sẽ tự động chuyển dữ liệu vào Nhật ký chung (Biểu 2.2), Sổ cái TK 511 (Biểu 2.3), Sổ chi tiết TK 5111(Biểu 2.4), Sổ cái TK 1111, TK 1311, TK 1121...

Đơn vị : Công ty cổ phần Việt Thịnh

Địa chỉ : 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày: 06/12/2009

Số: PX1179

Ghi nợ: TK 632

Ghi có: TK 1561

Họ tên người nhận hàng: Phạm Văn Tiến

Địa chỉ (bộ phận): UBND quận Lê Chân- số 10 Hồ Sen, HP

Lý do xuất kho: Xuất bán thiết bị Xuất tại kho: Văn phòng.

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách sản phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2		3
1	Thiết bị mã vạch		cái	01	01	8.703.282	8.703.282
2	Camera giám sát		chiếc	04	04	4.358.557	17.434.229
3	Đầu ghi hình kỹ thuật số		bộ	01	01	7.291.607	7.291.607
4	Cáp tín hiệu		mét	400	400	2.757	1.102.674
5	Dây điện nguồn		mét	400	400	2.643	1.057.023
6	Tủ điện		cái	01	01	185.628	185.628
7	Áptomat		cái	01	01	132.275	132.275
	Cộng						35.906.718

Phụ trách bộ phận sử dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ trách cung tiêu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho
(Ký, ghi rõ họ tên)

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01/GTKT-3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		DB/2008B															
Liên 1: Lưu		0015748															
Ngày 06 tháng 12 năm 2009																	
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần Việt Thịnh																	
Địa chỉ: Số 44B Lê Lai - Hải Phòng																	
Số tài khoản																	
Điện thoại.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>6</td><td>2</td><td>6</td><td>4</td><td>3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>				0	2	0	0	4	6	2	6	4	3				
0	2	0	0	4	6	2	6	4	3								
Họ tên người mua hàng: Phạm Văn Tiến.....																	
Tên đơn vị: Ủy ban nhân dân quận Lê Chân																	
Địa chỉ: Số 10 đường Hồ Sen – Hải Phòng																	
Số tài khoản:																	
Hình thức thanh toán: ...TM...MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>																	
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1x2												
1	Thiết bị mã vạch	cái	01	8.979.347	8.979.347												
2	Camera giám sát	chiếc	04	4.462.464	17.849.856												
3	Đầu ghi hình kỹ thuật số	bộ	01	7.437.439	7.437.439												
4	Cáp tín hiệu	mét	400	2.812	1.124.800												
5	Dây điện nguồn	mét	400	2.721	1.088.400												
6	Tủ điện	cái	01	199.541	199.541												
7	Áptomat	cái	01	145.121	145.121												
Cộng tiền hàng:					36.824.504												
Thuế GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		3.682.450												
Tổng cộng tiền thanh toán:					40.506.954												
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi triệu năm trăm linh sáu ngàn chín trăm năm mươi tư đồng																	
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>													

Đơn vị : Công ty cổ phần Việt Thịnh
 Địa chỉ : 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải
 Phòng

Mẫu số 01 – TT
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU Số: PT01164
 Ngày: 06/12/2009 Ghi nợ: TK 1111
 Ghi có: TK 5111
 TK 333

Người nộp tiền: Phạm Văn Tiến
 Địa chỉ: UBND quận Lê Chân – số 10 Hồ Sen, Hải Phòng
 Về khoản: Thanh toán tiền mua thiết bị
 Số tiền: **40.506.954**
 Bằng chữ: **Bốn mươi triệu năm trăm linh sáu ngàn chín trăm năm mươi
 tư đồng.**

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Giám đốc	Kế toán	Người lập	Thủ quỹ	Người nộp tiền
<i>(Ký, họ tên)</i>	trưởng	phiếu	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>
	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>		

Đã nhận đủ số tiền: **Bốn mươi triệu năm trăm linh sáu ngàn chín trăm năm mươi tư
 đồng**

Biểu 2.2:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ Nhật Ký Chung

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

ĐVT: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn Giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐƯ	Số Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số trang trước				
		
06/12	PX117 9	06/12	Xuất thiết bị cho UBND quận LC	X	6321	35.906.718	
				X	1561		35.906.718
06/12	PT011 64	06/12	Bán thiết bị cho UBND quận Lê Chân	X	1111	40.506.954	
				X	5111		36.824.504
				X	3331		3.682.450
		
30/12	CTK 935	31/12	Kết chuyển chi phí dở dang CT: bảng giới thiệu dự án trường ĐHHH theo HĐ số 25/HĐ-XD	X	6322	40.313.674	
				X	1541		40.313.674
31/12	CTK 935	31/12	Doanh thu XLCT: bảng giới thiệu dự án trường ĐHHH theo HĐ số 25/HĐ-XD	X	1312	1.542.901.000	
				X	5112		1.402.637.273
				X	3331		140.263.727
		
Cộng							

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2009)

Biểu 2.3:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: đồng

Số CT	Ngày CT	Loại CT	Diễn giải	Tên TK	TK ĐƯ	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				
		
HD157 47	05/12	Phiếu thu	C/cấp và lắp đặt màn hình rèm cho nhà A	5111	1311		17.599.241
HD157 48	06/12	Phiếu thu	Bán thiết bị cho UBND quận Lê Chân	5111	1111		36.824.504
		
CTK 933	30/12	Ch.từ chung	Doanh thu xây lắp CT: XD và cải tạo Chi cục thuế Kiến Thụy theo HĐ số 02/2008	5112	1312		90.909.091
CTK 832	30/12	Ch.từ chung	Thuê máy ủi D50	5113	1312		31.465.000
		
CTK 942	31/12	Ch.từ chung	Doanh thu xây lắp CT: bảng giới thiệu dự án trường ĐHHH theo HĐ số 25/HĐ-XD	5112	1312		53.141.818
CTK 992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa	5111	911	2.013.163.545	
CTK 992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển doanh thu xây lắp CT	5112	911	46.517.809.459	
CTK 992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	911	31.465.000	
Cộng số phát sinh						48.562.438.004	48.562.438.004
Số dư cuối năm							

Ngày.....tháng..... năm

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ Cái TK 511 năm 2009)

Biểu 2.4:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Sổ Chi Tiết Tài Khoản

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản: 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	
HD15747	05/12	C/cấp và lắp đặt màn rèm cho nhà A	1311		17.599.241
HD15748	06/12	Bán thiết bị cho UBND quận Lê Chân	1111		36.824.504
HD15749	07/12	Bán dây cáp mạng cho C/ty CP Việt Long	1111		2.023.680
	
HD15761	20/12	Bán máy tính, máy in cho trường THPT Cát Bà	1121ĐT		108.640.000
HD15762	21/12	C/cấp các thiết bị giáo dục cho trường THPT Hồng Bàng	1121ĐT		57.213.000
	
HD15772	31/12	C/cấp thiết bị: máy thu hình vật thể theo HD số 08/HĐKT cho C/ty TNHH Geen Feed Việt Nam	1121ĐT		410.977.278
	
Cộng phát sinh				2.013.163.545	2.013.163.545
Số dư cuối kỳ					

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ chi tiết TK 5111 năm 2009)

Biểu 2.5:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Sổ Chi Tiết Tài Khoản

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản: 5112 – Doanh thu xây lắp công trình

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	
CTK 932	30/12	Doanh thu xây lắp CT điện Hải Dương- gói G25 theo HĐ số 25/BQLDA	1312		317.570.275
CTK 933	30/12	Doanh thu xây lắp CT: XD và cải tạo Chi cục thuế Kiến Thụy theo HĐ số 02/2008	1312		90.909.091
CTK 934	30/12	Doanh thu xây lắp CT: cải tạo lắp đặt sàn 110 và 220 NM nhiệt điện Phả Lại	1312		1.402.637.273
	
CTK 942	31/12	Doanh thu xây lắp CT: bảng giới thiệu dự án trường ĐHHH theo HĐ số 25/HĐ-XD	1312		53.141.818
	
Cộng phát sinh				46.517.809.459	46.517.809.459
Số dư cuối kỳ					

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ chi tiết TK 5112 năm 2009)

2.2.2.2. Giá vốn hàng bán.

➤ Quy trình ghi giá vốn hàng bán tại công ty như sau:

Trị giá vốn hàng xuất bán trong kì tại công ty được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ. Khi có nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán sẽ viết hóa đơn GTGT sau đó chuyển xuống thủ kho để thủ kho lập phiếu xuất kho.

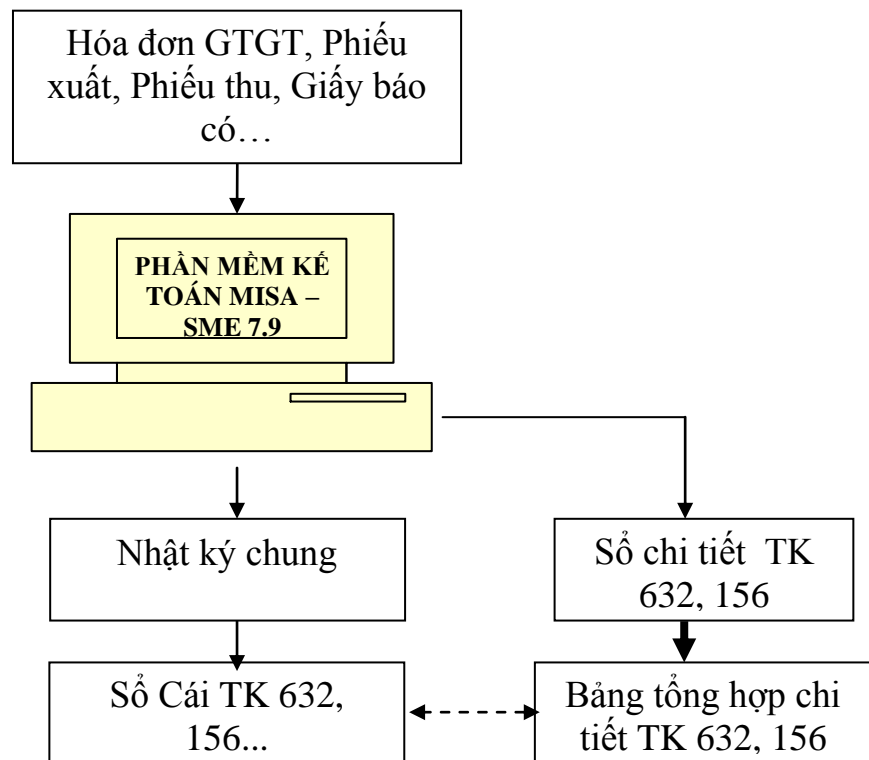
Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu
- Liên 2: Giao khách hàng
- Liên 3: Thủ kho giữ để ghi thẻ kho và sau đó chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

Để phản ánh giá vốn hàng xuất bán công ty sử dụng TK 632, tùy theo từng loại giá vốn mà kế toán sẽ vào sổ 6321, 6322, 6323.

➤ Trình tự tiến hành trên máy như sau:

Căn cứ vào hoá đơn GTGT và phiếu xuất kho kế toán tiến hành vào phần mềm kế toán. Trên màn hình chính, kế toán chọn phân hệ : *Bán hàng=>Chứng từ phát sinh*, sau đó tiến hành cập nhật số liệu, ghi đầy đủ nội dung trong bảng biểu về số lượng hàng xuất.



Sơ đồ 2.5 : Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn tại Công ty cổ phần Việt Thịnh.

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng, cuối kỳ
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

➤ **Ví dụ:** Căn cứ vào Phiếu xuất kho số PX1179 (trình bày ở trang 45), phần mềm máy tính sẽ tự động chuyển dữ liệu vào, Sổ cái TK 632 (Biểu 2.6), Sổ chi tiết TK 632(Biểu 2.7) và các sổ khác có liên quan.

Biểu 2.6:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ Cái Tài Khoản

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

ĐVT: đồng

Số CT	Ngày CT	Loại CT	Diễn giải	Tên TK	TK ĐƯ	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				
			
PX0116 3	05/12	Phiếu xuất	Xuất mảnh rèm lắp đặt cho nhà A	6321	1561	17.246.667	
PX0116 4	06/12	Phiếu xuất	Xuất bán thiết bị cho UBND quận Lê Chân	6321	1561	35.906.718	
			
CTK934	30/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí dở dang CT: cải tạo lắp đặt sàn 110 và 220 NM nhiệt điện Phả Lại	6322	1541	965.757.970	
CTK832	30/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí dở dang cho CT: Cho thuê máy ủi D50	6323	1541	29.920.407	
			
CTK942	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí dở dang CT: bảng giới thiệu dự án trường ĐHHH theo HĐ số 25/HĐ-XD	6322	1541	40.313.674	
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển giá vốn hàng bán thiết bị	6321	911		1.696.448.956
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển giá vốn hàng bán xây lắp	6322	911		44.088.600.787
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển giá vốn hàng bán dịch vụ	6323	911		29.920.407
Cộng số phát sinh						45.814.970.150	45.814.970.150
Số dư cuối năm							

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ Cái TK 632 năm 2009)

Biểu 2.7:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Sổ Chi Tiết Tài Khoản

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản: 6321 – Giá vốn hàng bán thiết bị

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		
PX1176	02/12	Xuất bán máy chủ IBM server X3500 cho C/ty CP Tây Hồ	1561	71.428.571	
PX1177	04/12	Xuất bán thiết bị VP cho Ban QLDA huyện An Dương	1561	13.606.200	
PX1178	05/12	Xuất mảnh rèm lắp đặt cho nhà A	1561	17.246.667	
PX1179	06/12	Xuất bán thiết bị cho UBND quận Lê Chân	1561	35.906.718	
PX1180	07/12	Xuất bán dây cáp mạng cho C/ty CP Việt Long	1561	1.754.748	
		
PX1210	20/12	Bán máy tính, máy in cho trường THPT Cát Bà	1561	99.095.000	
PX1211	21/12	C/cấp các thiết bị giáo dục cho trường THPT Hồng Bàng	1561	48.650.000	
		
PX1224	30/12	Xuất bán máy thu hình vật thể Vision 300	1561	319.100.000	
		
Cộng phát sinh				1.696.448.956	1.696.448.956
Số dư cuối kỳ					

Ngày.....tháng..... năm

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ chi tiết TK 6321 năm 2009)

Biểu 2.8:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Sổ Chi Tiết Tài Khoản

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản: 6322 – Giá vốn xây lắp công trình

DVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		
CTK932	28/12	Kết chuyển chi phí dở dang CT điện Hải Dương- gói G25 theo HĐ số 25/BQLDA	1541	301.691.761	
CTK933	29/12	Kết chuyển chi phí dở dang CT: XD và cải tạo Chi cục thuế Kiến Thụy theo HĐ số 02/2008	1541	86.363.636	
CTK934	30/12	Kết chuyển chi phí dở dang CT: cải tạo lắp đặt sàn 110 và 220 NM nhiệt điện Phả Lại	1541	965.757.970	
		
CTK942	31/12	Kết chuyển chi phí dở dang CT: bảng giới thiệu dự án trường ĐHHH theo HĐ số 25/HĐ-XD	1541	40.313.674	
		
Cộng phát sinh				44.088.600.787	44.088.600.787
Số dư cuối kỳ					

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ chi tiết TK 6322 năm 2009)

2.2.2.2.3. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

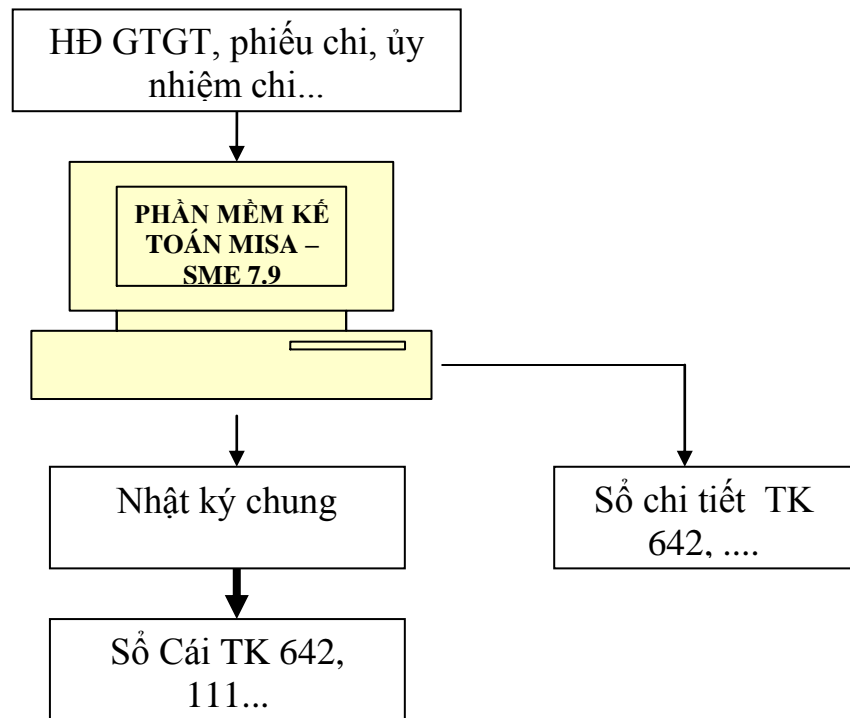
Công ty cổ phần Việt Thịnh là một đơn vị hoạt động kinh doanh thương mại và xây dựng, các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bán hàng và quản lý doanh nghiệp được hạch toán chung vào TK 642 "Chi phí quản lý doanh nghiệp", còn TK 641 "Chi phí bán hàng" công ty không sử dụng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm : Tiền lương và các khoản phải trích theo lương của nhân viên; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí KH TSCĐ; thuế, phí, lệ phí; các chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác. Tùy theo từng loại chi phí mà kế toán sẽ vào sổ TK 6421, 6423, 6424, 6425, 6427, 6428.

➤ *Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty như sau:*

Tùy vào từng loại chi phí, khi hạch toán trên máy vi tính, kế toán sẽ chọn phân hệ phù hợp. Ví dụ: khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí đồ dùng văn phòng, kế toán chọn trên màn hình chính phân hệ: *Mua hàng => Chứng từ phát sinh*. Từ các chứng từ có liên quan kế toán cập nhật, máy tính sẽ tự động ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung và sổ kế toán có liên quan khác.

Để lập phiếu chi, trên màn hình chính, chọn *Quản lý quỹ => Phiếu chi tiền mặt*, cập nhật số liệu rồi in ra phiếu thu.



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần Việt Thịnh

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm,)

➤ **Ví dụ 3:** Ngày 18/12/2009, ông Trần Hữu Diễn mua một số đồ dùng văn phòng phẩm, số tiền là: **2.103.200 đồng** (thuế suất GTGT 10%) tại Cty CP phát hành sách Hải Phòng.

Căn cứ vào HD GTGT số 0038195 kế toán kế toán tiến hành vào phần mềm kế toán để in ra phiếu chi số PC0722. Phần mềm máy tính sẽ tự động chuyển dữ liệu vào Nhật ký chung (Biểu 2.2), Sổ Cái TK 642 (Biểu 2.11), Sổ Cái TK 1111...

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01/GTKT- 3LL														
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		DB/2008B														
Liên 2: Giao khách hàng		0038195														
Ngày 18 tháng 12 năm 2009																
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Phát hành sách Hải Phòng																
Địa chỉ: Số 75 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng																
Số tài khoản																
Điện thoại.....MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> </tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; margin-left: 10px;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> </tr> </table>	0	2	0	0	1	2	4	5	5	6				
0	2	0	0	1	2	4	5	5	6							
Họ tên người mua hàng: Trần Hữu Diễn																
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Thịnh																
Địa chỉ: Số Số 44B Lê Lai - Hải Phòng																
Số tài khoản:																
Hình thức thanh toán: ...TM...MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> </tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; margin-left: 10px;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> </tr> </table>	0	2	0	0	4	6	2	6	4	3				
0	2	0	0	4	6	2	6	4	3							
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
A	B	C	1	2	3=1x2											
1	Giấy in	tập	10	87.000	870.000											
2	Giấy photo	tập	10	49.200	492.000											
3	Bút bi	hộp	05	110.000	550.000											
Cộng tiền hàng:					1.912.000											
Thuế GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		191.200											
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.103.200											
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu một trăm linh ba ngàn hai trăm đồng chẵn																
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>												

Đơn vị : Công ty cổ phần Việt Thịnh
Địa chỉ : 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –
BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI
Ngày: 18/12/2009

Số: PC0705
Ghi nợ: TK 6413
TK 1331
Ghi có: TK 1111

Người nộp tiền: Trần Hữu Diễn
Địa chỉ: Phòng kế toán
Về khoản: Thanh toán tiền mua VPP
Số tiền: **2.103.200**
Bằng chữ: **Hai triệu một trăm linh ba ngàn hai trăm đồng chẵn**
Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: **Hai triệu một trăm linh ba ngàn hai trăm đồng chẵn**

Biểu 2.9:

Công ty cổ phần Việt Thịnh

Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ (Tính đến ngày 31/12/2009)

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Tình trạng TSCĐ	Ngày sử dụng	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Số tháng còn lại	Mức khấu hao
Loại TSCĐ : Máy móc thiết bị								
.....
MU-D60P	Máu ủi D60P-6 Komatsu	Đang dùng và trích khấu hao	07/11/09	695.238.095	11.587.302	683.650.739	118	5.793.651
MTBT	Máy trộn bê tông D15	Đang dùng và trích khấu hao	07/11/09	19.050.000	793.750	18.256.250	46	396.875
.....
Cộng:				3.548.003.273	2.364.206.107	1.183.797.166		52.659.655
Loại TSCĐ : Thiết bị dụng cụ quản lý								
HH33	Tủ lạnh Toshiba	Đang dùng và trích khấu hao	10/01/09	11.209.091	2.802.276	8.406.815	36	233.523
HH34	Điện thoại di động Nokia	Đang dùng và trích khấu hao	18/03/09	11.090.909	4.159.089	6.931.820	15	462.121
.....
Cộng:				492.284.040	363.418.436	128.865.604		11.646.848
Loại TSCĐ : Phương tiện vận tải								
HH31	Ô tô con Honda Accord	Đang dùng và trích khấu hao	12/11/09	777.000.000	129.500.000	647.500.000	70	9.250.000
Cộng:				777.000.000	129.500.000	647.500.000		9.250.000
Loại TSCĐ : Tài sản cố định vô hình								
VH01	Phần mềm kế toán MISA- SME 7	Đang dùng và trích khấu hao	01/01/05	13.000.000	13.000.000		0	761.111
Cộng:				27.400.000	27.400.000			761.111
Tổng cộng:				4.844.687.313	2.884.524.543	1.960.162.770		74.317.614

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.10:

Đơn vị: Công ty cổ phần Việt Thịnh

Bộ phận: Văn Phòng

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2009

	Họ tên	Chức vụ	Lương	Tạm ứng	Các khoản khấu trừ		Thực lĩnh
					BHXH	BHYT	
	Phạm Văn Thành	GĐ	4.800.000		240.000	48.000	4.512.000
	Trần Thị Bích Nhuận	Phó GĐ	4.500.000		225.000	45.000	4.230.000
	Nguyễn Quang Tuấn	Phó GĐ	4.500.000		225.000	45.000	4.230.000
	Nguyễn Thành Huân	KT trưởng	4.500.000		225.000	45.000	4.230.000
	Phạm Thị Phương	Kế toán	2.800.000		140.000	28.000	2.632.000
	Nguyễn Thị Mai	Kế toán	2.800.000		140.000	28.000	2.632.000
	Trần Hữu Diễn	Thủ quỹ	2.800.000		140.000	28.000	2.632.000
	Trần Hữu Nam	CB Vật tư	2.800.000		140.000	28.000	2.632.000
	Nguyễn Sỹ Tạo	CB Kỹ thuật	3.600.000		180.000	36.000	3.384.000
	Đoàn Hồng Đăng	CB Kỹ thuật	3.600.000		180.000	36.000	3.384.000

	Cộng		86.233.980		4.311.699	862.340	81.059.941

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.2:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ Nhật Ký Chung

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

ĐVT: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn Giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐƯ	Số Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số trang trước				
		
18/12	PC 0705	18/12	Thanh toán tiền mua VPP	x	6423	1.912.000	
				x	1331	191.200	
				x	1111		2.103.200
19/12	PC 0706	19/12	Thanh toán tiền xăng xe	x	6428	13.363.636	
				x	1331	1.336.364	
				x	1111		14.700.000
		
30/12	PL 0120	30/12	Chi lương cho khối VP T12	x	6421	86.233.980	
				x	3341		86.233.980
30/12	CTK 839	30/12	Các khoản trích theo lương T12 tính vào chi phí	x	6421	5.174.039	
				x	338		5.174.039
30/12	CTK 840	30/12	Trích KH TSCĐ toàn công ty	x	6424	74.317.614	
				x	214		74.317.614
		
Cộng							

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2009)

Biểu 2.11:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ Cái Tài Khoản

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

ĐVT: đồng

Số CT	Ngày CT	Loại CT	Diễn giải	Tên TK	TK ĐƯ	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				
			
PC0705	18/12	Phiếu chi	Thanh toán tiền mua VPP	6423	1111	1.912.000	
PC0706	19/12	Phiếu chi	Thanh toán tiền xăng xe	6428	1111	13.363.636	
			
PL0120	30/12	Phiếu lương	Chi lương cho khối VP T12	6421	3341	86.233.980	
CTK 839	30/12	Ch.từ chung	Các khoản trích theo lương T12 tính vào chi phí	6421	338	5.174.039	
CTK 840	30/12	Ch.từ chung	Trích KH TSCĐ toàn công ty	6424	214	74.317.614	
			
CTK 992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí NV quản lý	6421	911		889.483.629
CTK 992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí đồ dùng VP	6423	911		38.412.828
CTK 992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí KH TSCĐ	6424	911		192.555.336
CTK 992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển thuế, phí, lệ phí	6425	911		11.557.400
CTK 992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài	6427	911		2.044.131
CTK 992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí bằng tiền khác	6428	911		289.852.916
Cộng số phát sinh						1.423.906.240	1.423.906.240
Số dư cuối năm							

Ngày.....tháng..... năm

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ Cái TK 642 năm 2009)

2.2.2.2.4. Doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính.➤ *Doanh thu hoạt động tài chính:*

- Doanh thu tài chính của công ty chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi Ngân hàng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

Để hạch toán doanh thu tài chính kế toán sử dụng TK 515

➤ *Chi phí hoạt động tài chính:*

- Chi phí hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là các khoản lãi phải nộp cho Ngân hàng.

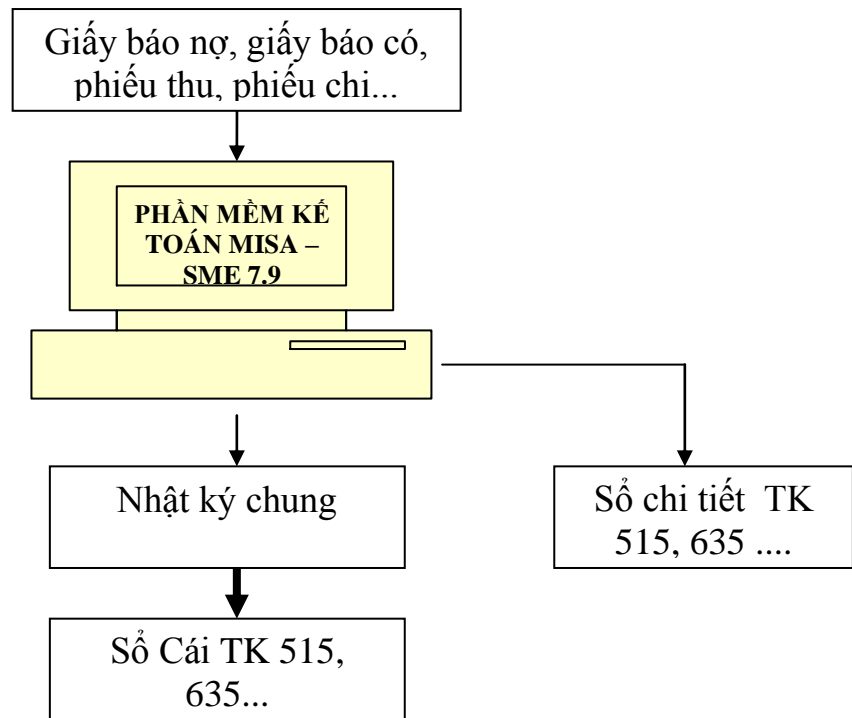
Để hạch toán chi phí tài chính kế toán sử dụng TK 635

➤ *Quy trình hạch toán doanh thu và hoạt động tài chính tại công ty như sau:*

Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính kế toán căn cứ vào các chứng từ có liên quan đến các khoản tiền lãi Ngân hàng được hưởng hay các khoản lãi tiền vay phải trả cho Ngân hàng, kế toán sẽ tiến hành phân loại và nhập nội dung chứng từ phát sinh vào máy.

Để ghi nhận doanh thu và chi phí tài chính, kế toán chọn phân hệ: *Ngân hàng => Chứng từ phát sinh*. Kế toán cập nhật số liệu, máy tính sẽ tự động vào Nhật ký chung, và sổ cái các TK 515, 635 và các TK có liên quan.

Cuối kỳ kế toán máy tính sẽ tự động kết chuyển sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần Việt Thịnh

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm,)

➤ **Ví dụ 3:** Ngày 31/12/2009, Công ty nhận lãi tiền gửi từ Ngân hàng Thương mại Á Châu (ACB) số tiền **7.435.592 đồng**.

➤ **Ví dụ 4:** Ngày 12/12/2009, Ngân hàng Đầu tư và phát triển (BIDV) thu lãi theo HĐ76796, số tiền **29.527.777 đồng**.

Từ Bảng sao kê tài khoản chi tiết tháng 12 của Ngân hàng(được gửi vào cuối tháng) và các chứng từ có liên quan, kế toán vào phần mềm kế toán, máy tính sẽ tự động ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), Sổ cái TK 515 (Biểu 2.12), Sổ cái TK 635(Biểu 2.13), Sổ cái TK 1121....

**NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK (ACB)**

Orgnbr : 48828
CTY CP VIỆT THỊNH
Mã số thuế : 0200462643
Số : 44B
Phó : LÊ LAI
Quận : NGÔ QUYÊN

Trang : 1
Số TK : 2585679
Ngày : 31/12/2009

BẢNG KÊ GD - TGTT KHTN

VND

Từ ngày : 01/12/2009

Đến ngày : 31/12/2009

Số dư đầu		Gửi vào	Rút ra	Phí	Số dư cuối
-----		-----	-----	-----	-----
Ngày	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có		Số dư
.....
.....
29/12	Lãi tiền gửi		1,244,526		
30/12	Lãi tiền gửi		9,174,201		
31/12	Lãi tiền gửi		7,435,592		

GIAO DỊCH VIÊN

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH : 321 CN NHDT&PT HẢI PHÒNG

DB402P

TRANG : 1
NGÀY : 31/12/2009
GIỜ : 14:20:04

SAO KÊ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG

TK SỐ : 32110000007967 LOẠI NGOẠI TỆ : VND
TÊN TK : CTY CP VIỆT THỊNH
TỪ NGÀY : 2/12/2009 ĐẾN : 28/12/2009

NGÀY	MÃ GD	SỐ SEC	PHÁT SINH NỢ	PHÁT SINH CÓ	SỐ DƯ	DIỄN GIẢI
		SỐ DƯ ĐẦU				
8/12/2009			3,557,400.00			CTY CP VIỆT THỊNH NỘP THUẾ TNDN QUÝ 3
8/12/2009			24,200.00			THU PHÍ BSMS
9/12/2009			16,454,167.00			THU LÃI THEO HĐ 75260
10/12/2009				150,000,000.00		TRẦN HỮU DIỄN NỘP TIỀN VÀO TK
11/12/2009			27,000.00			CTY CP VIỆT THỊNH MUA 01 QUYỀN UNC
11/12/2009			3,000.00			THU PHÍ MUA 01 QUYỀN UNC
12/12/2009			29,527,777.00			THU LÃI THEO HĐ 76796
.....		
27/12/2009				70,000,000.00		TRẦN HỮU DIỄN NỘP TIỀN VÀO TK
28/12/2009			3,410,167.00			THU LÃI THEO HĐ 81374
28/12/2009			1,521,500.00			THU LÃI THEO HĐ 81639
		TỔNG	160,887,015.00	142,096,669.00		
		SỐ DƯ CUỐI				

LẬP BẢNG

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG

(Nguồn: Trích Bảng sao kê TK khách hàng của NH ĐT&PT tháng 12)

Biểu 2.2:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ Nhật Ký Chung

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

ĐVT: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn Giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐU	Số Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số trang trước				
		
09/12	CTK 134	09/12	Ngân hàng thu lãi theo HĐ 76796	x	635	29.527.777	
				x	1121ĐT		29.527.777
10/12	CTK 135	10/12	Ngân hàng thu lãi theo HĐ 77638	x	635	16.454.167	
				x	1121ĐT		16.454.167
11/12	CTK 635	11/12	Lãi tiền gửi	x	1121CT	1.186.303	
				x	515		1.186.303
		
28/12	CTK 163	28/12	Ngân hàng thu lãi theo HĐ 81374	x	635	3.410.167	
				x	1121ĐT		3.410.167
		
31/12	CTK 658	31/12	Lãi tiền gửi	x	1121AC	7.435.592	
				x	515		7.435.592
		
Cộng							

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2009)

Biểu 2.12:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ Cái Tài Khoản

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

ĐVT: đồng

Số CT	Ngày CT	Loại CT	Diễn giải	Tên TK	TK ĐƯ	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				
		
CTK634	10/12	Ch.từ chung	Lãi tiền gửi	515	1121NN		1.143.892
CTK635	11/12	Ch.từ chung	Lãi tiền gửi	515	1121CT		1.186.303
		
CTK656	31/12	Ch.từ chung	Lãi tiền gửi	515	1121ĐT		9.174.201
CTK657	31/12	Ch.từ chung	Lãi tiền gửi	515	1121SC		784.592
CTK658	31/12	Ch.từ chung	Lãi tiền gửi	515	1121AC		7.435.592
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	99.035.716	
Cộng số phát sinh						99.035.716	99.035.716
Số dư cuối năm							

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ Cái TK 515 năm 2009)

Biểu 2.13:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ Cái Tài Khoản
Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009
Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

ĐVT: đồng

Số CT	Ngày CT	Loại CT	Diễn giải	Tên TK	TK ĐƯ	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				
			
CTK 134	09/12	Ch.từ chung	Ngân hàng thu lãi theo HĐ 76796	635	1121ĐT	29.527.777	
CTK135	10/12	Ch.từ chung	Ngân hàng thu lãi theo HĐ 77638	635	1121ĐT	16.454.167	
			
CTK162	25/12	Ch.từ chung	Ngân hàng thu lãi theo HĐ 81222	635	1121ĐT	2.887.500	
CTK163	28/12	Ch.từ chung	Ngân hàng thu lãi theo HĐ 81374	635	1121ĐT	3.410.167	
CTK164	28/12	Ch.từ chung	Ngân hàng thu lãi theo HĐ 81639	635	1121ĐT	1.521.500	
			
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	911		630.627.571
Cộng số phát sinh						630.627.571	630.627.571
Số dư cuối năm							

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ Cái TK 635 năm 2009)

2.2.2.2.5. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Để hạch toán xác định kết quả kinh doanh, kế toán công ty sử dụng TK 911.

Cuối mỗi tháng, căn cứ vào các chứng từ kế toán, máy tính sẽ tự động cập nhật và kết chuyển vào Sổ cái TK 911 và Sổ cái TK 421 khi kế toán chọn bút toán kết chuyển.

- Doanh thu thuần, doanh thu tài chính sẽ được kết chuyển sang bên Có TK 911
- Giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính sẽ được kết chuyển sang bên Nợ TK 911
- Nếu tổng số phát sinh Nợ TK 911 lớn hơn tổng số phát sinh Có TK 911 thì máy sẽ thực hiện bút toán kết chuyển Lỗ sang bên Nợ TK 421 – *Lợi nhuận sau thuế*

Định khoản: Nợ TK 421

Có TK 911

- Nếu tổng số phát sinh Nợ TK 911 lớn hơn tổng số phát sinh Có TK 911 thì doanh nghiệp phải tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước.

Để hạch toán chi phí thuế TNDN, kế toán công ty sử dụng TK 821.

Cách tính thuế TNDN phải nộp như sau:

- Xác định thu nhập chịu thuế:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Số PS Có TK 911} - \text{Số PS Nợ TK 911}$$

- Xác định số thuế TNDN phải nộp:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Sau khi tính được số thuế TNDN phải nộp, máy sẽ tự động kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911, từ đó xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421 – *Lợi nhuận sau thuế*.

Mức thuế suất thuế TNDN mà Công ty cổ phần Việt Thịnh phải nộp là 25% . Đây là mức thuế suất mới được áp dụng từ ngày 01/01/2009 cho tất cả các doanh nghiệp.

Biểu 2.2 :

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ Nhật Ký Chung

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Đvt: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn Giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐƯ	Số Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số trang trước				
		
31/12	CTK991	31/12	Tính thuế TNDN phải nộp năm 2009	x	8211	197.992.440	
				x	333		197.992.440
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa	x	5111	2.013.163.545	
				x	911		2.013.163.545
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển doanh thu xây lắp CT	x	5112	46.517.809.459	
				x	911		46.517.809.459
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	x	5113	31.465.000	
				x	911		31.465.000
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	x	515	99.035.716	
				x	911		99.035.716
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán thiết bị	x	911	1.696.448.956	
				x	6321		1.696.448.956
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán xây lắp	x	911	44.088.600.787	
				x	6322		44.088.600.787
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán dịch vụ	x	911	29.920.407	
				x	6323		29.920.407
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	x	911	630.627.571	
				x	635		630.627.571
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển chi phí NV quản lý	x	911	889.483.629	
				x	6421		889.483.629
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển chi phí đồ dùng VP	x	911	38.412.828	
				x	6423		38.412.828
			Cộng chuyển trang sau				

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn Giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐƯ	Số Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển chi phí KH TSCĐ	x	911	192.555.336	
				x	6424		192.555.336
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển thuế, phí, lệ phí	x	911	11.557.400	
				x	6425		11.557.400
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài	x	911	2.044.131	
				x	6427		2.044.131
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển chi phí bằng tiền khác	x	911	289.852.916	
				x	6428		289.852.916
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	x	911	197.992.440	
				x	8211		197.992.440
31/12	CTK992	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	x	911	593.977.319	
				x	421		593.977.319
Cộng							

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2009)

Biểu 2.14:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

ĐVT: đồng

Số CT	Ngày CT	Loại CT	Diễn giải	Tên TK	TK ĐƯ	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa	911	5111		2.013.163.545
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển doanh thu xây lắp CT	911	5112		46.517.809.459
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	911	5113		31.465.000
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	515		99.035.716
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển giá vốn hàng bán thiết bị	911	6321	1.696.448.956	
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển giá vốn hàng bán xây lắp	911	6322	44.088.600.787	
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển giá vốn hàng bán dịch vụ	911	6323	29.920.407	
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	630.627.571	
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí NV quản lý	911	6421	889.483.629	
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí đồ dùng VP	911	6423	38.412.828	
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí KH TSCĐ	911	6424	192.555.336	
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển thuế, phí, lệ phí	911	6425	11.557.400	
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài	911	6427	2.044.131	
			Cộng chuyển trang sau				

Số CT	Ngày CT	Loại CT	Diễn giải	Tên TK	TK ĐƯ	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí bằng tiền khác	911	6428	289.852.916	
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	911	8211	197.992.440	
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	593.977.319	
Cộng số phát sinh						48.661.473.720	48.661.473.720
Số dư cuối năm							

Ngày.....tháng..... năm

Người lập sổ (Ký, ghi rõ họ tên) Kê toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên) Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Sổ Cái TK 911 năm 2009)

Biểu 2.15:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

ĐVT: đồng

Số CT	Ngày CT	Loại CT	Diễn giải	Tên TK	TK ĐƯ	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				
CTK991	31/12	Ch.từ chung	Tính thuế TNDN phải nộp năm 2009	8211	333	197.992.440	
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	8211	911		197.992.440
Cộng số phát sinh						197.992.440	197.992.440
Số dư cuối năm							

Ngày.....tháng..... năm

Người lập sổ (Ký, ghi rõ họ tên) Kê toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên) Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Sổ Cái TK 821 năm 2009)

Biểu 2.16:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009
Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

DVT: đồng

Số CT	Ngày CT	Loại CT	Diễn giải	Tên TK	TK ĐƯ	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				688.833.671
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	911		593.977.319
Cộng số phát sinh							593.977.319
Số dư cuối năm							1.282.810.990

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tài liệu: Sổ Cái TK 421 năm 2009)

Biểu 2.17:

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số B02 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	48.562.438.004	29.253.942.853
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		48.562.438.004	29.253.942.853
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	45.814.970.150	26.293.886.487
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		2.747.467.854	2.960.056.366
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	99.035.716	56.779.255
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	630.627.571	417.526.657
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		630.627.571	417.526.657
8	Chi phí bán hàng	24			
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.423.906.240	1.225.928.865
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 – 22) – (24 + 25))	30		791.969.759	1.373.380.099
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40			

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		791.969.759	1.373.380.099
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	197.992.440	384.546.428
15	Chi phí thuế TNDN hoàn lại	52	VI.30		
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51– 52)	60		593.977.319	988.833.671
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Ghi chú(*): Chỉ tiêu này áp dụng đối với công ty cổ phần

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích Báo cáo tài chính năm 2009)

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THỊNH

3.1. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THỊNH

3.1.1. Những ưu điểm.

3.1.1.1. Đối với công tác kế toán nói chung:

Nhìn chung công tác kế toán của công ty đã đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế của công ty, đáp ứng nhu cầu hạch toán, phản ánh được tình hình sử dụng lao động, tiền vốn ... Công ty đã tiến hành quản lý và đánh giá doanh thu, tập hợp đầy đủ các khoản chi phí mà nhờ đó xác định được kết quả kinh doanh ở từng thời điểm. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất. Việc bố trí và phân chia trách nhiệm cụ thể cho các kế toán viên phù hợp với trình độ và năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty đảm bảo nguyên tắc chuyên môn hoá., đồng thời các nhân viên kế toán có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo công tác kế toán được tiến hành liên tục, chính xác và kịp thời.

3.1.1.2. Hình thức, chứng từ và sổ sách kế toán áp dụng.

➤ *Hình thức kế toán* : Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung được tổ chức, xử lý và ghi chép trên phần mềm kế toán MISA – SME 7.9 phù hợp với đặc điểm kinh doanh dịch vụ của công ty. Với hình thức này đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận, xử lý thông tin, đồng thời cùng với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán giúp giảm bớt khối lượng công việc ghi chép của kế toán mà vẫn đảm bảo tính kịp thời, chính xác, đầy đủ, dễ tìm, dễ thấy và cho phép người sử dụng in ra

các sổ sách, báo cáo và thông tin tài chính bất cứ khi nào theo yêu cầu kịp thời phục vụ cho công tác quản lý

➤ *Chứng từ kế toán:* Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty được áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định 15/2006 QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Nhìn chung, những thông tin kinh tế đã được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ kế toán. Chứng từ được kế toán phân loại và lưu trữ cẩn thận, thuận lợi cho việc tìm kiếm đối chiếu số liệu.

➤ *Về tổ chức bộ sổ kế toán:* Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính phù hợp với yêu cầu quản lý và quy mô của công ty. Hệ thống sổ sách của công ty hoàn chỉnh, gọn nhẹ, có độ tin cậy cao.

3.1.1.2. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

➤ *Về tổ chức kế toán doanh thu :* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc hạch toán doanh thu được theo dõi chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả của từng loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

➤ *Về công tác kế toán chi phí :* Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

➤ *Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:* Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

Tuy nhiên, ngoài những ưu điểm kể trên mà bộ máy kế toán công ty đã đạt được thì vẫn còn những bất cập mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cần khắc phục.

3.1.2. Những hạn chế chung.

➤ *Việc thu hồi công nợ tại các cửa hàng:* Đối với hình thức bán lẻ ở các cửa hàng thì công ty đã quy định cụ thể và hợp lý về định kỳ nộp các chứng từ bán hàng và tiền hàng về công ty, nhưng chưa có quy định về định mức công nợ tại từng thời điểm cho các cửa hàng thực hiện. Do đó việc kiểm soát công nợ các cửa hàng từng thời điểm có khó khăn và chưa có căn cứ để kiểm soát đối chiếu, do đó tồn quỹ lớn làm ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

➤ *Chính sách tiêu thụ sản phẩm:* Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó tạo ra sức hấp dẫn lôi cuốn và thu hút khách hàng.

Công ty cổ phần Việt Thịnh trong quá trình tiêu thụ không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho khách hàng khi mua hàng và thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi này sẽ làm giảm không nhỏ một số lượng khách hàng của công ty và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.

➤ *Về tài khoản hạch toán chi phí:* Hiện tại toàn bộ chi phí bán hàng công ty hạch toán chung vào chi phí quản lý doanh nghiệp TK 642. Điều này có thuận lợi là khi hạch toán thì công ty không phải bóc tách đâu là chi phí quản lý doanh nghiệp, đâu là chi phí bán hàng vì hai khoản mục chi phí này nhiều khi rất khó bóc tách.

Nhưng xét về bản chất thì hai loại chi phí này hoàn toàn khác nhau, việc gộp chúng lại với nhau có bất tiện là : khi chi phí kinh doanh trong kỳ tăng lên đột biến thì khó xác định chính xác được nguyên nhân là từ bộ phận bán hàng hay từ bộ phận quản lý doanh nghiệp, hoặc sẽ mất nhiều thời gian để lọc và phân tích số liệu vì thế sẽ làm cho việc kiểm soát và tiết kiệm chi phí.

➤ *Luân chuyển chứng từ*: Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các nhân viên kế toán và thủ kho công ty đều diễn ra đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban trong công ty không có biên bản giao nhận chứng từ hoặc phiếu giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất mát chứng từ rất khó quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

3.2. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THỊNH

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt Thịnh.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều phải có một cơ chế quản lý tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải

dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt Thịnh.

Mục tiêu hàng đầu của bất kỳ doanh nghiệp nào cũng là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó thì thực hiện tốt khâu bán hàng là rất quan trọng. Nó không những góp phần tạo doanh thu cho công ty mà còn khẳng định được vị thế của mình trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế nước nhà.

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, vận dụng lý thuyết vào thực tế tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện và có hiệu quả cao hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

➤ *Biện pháp 1: Về chính sách bán hàng và việc thu hồi công nợ.*

* *Về chính sách bán hàng:* Chính sách bán hàng có vai trò rất quan trọng trong việc tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm. Vì thế công ty nên xem xét và bổ sung

thêm chính sách chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán cho khách hàng nhằm tăng số lượng khách hàng, tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Để hạch toán khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng công ty sử dụng tài khoản 521- Chiết khấu thương mại. Hạch toán tài khoản này công ty cần đảm bảo nguyên tắc: chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp khách hàng mua hàng nhiều lần mới đạt tới mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn lần cuối cùng.

* *Việc thu hồi công nợ* : Để quản lý và thực hiện tốt hơn quá trình bán hàng tại các cửa hàng, công ty nên quy định cụ thể về định mức công nợ tại từng thời điểm và cuối tháng đối với từng cửa hàng, qua đó sẽ kiểm soát được tình hình công nợ, giúp công ty đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

Công ty nên quy định thời gian thanh toán tiền hàng ví dụ trong một tháng. Để công ty thu được tiền sớm, tránh tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn công ty có thể sử dụng chiết khấu thanh toán. Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian.

Cụ thể :

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày 10 đến ngày 17 của tháng sau sẽ được hưởng mức chiết khấu 0.1%.

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày 18 đến ngày 25 của tháng sau sẽ được hưởng mức chiết khấu 0.05%.

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 - Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí cty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn). Hàng tháng, kế toán tổng hợp căn cứ vào chứng từ ghi chép các khoản chiết khấu thanh toán dành cho từng khách hàng để ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 635
 Có TK 1311..

hoặc

Nợ TK 635
Có TK 1312..

Ví dụ: Tính đến hết ngày 31/12/2008 công ty Tây Hồ - BQP còn nợ công ty là 224.115.239 đồng.

- Nếu công ty Tây Hồ - BQP thanh toán tiền hàng từ ngày 10/1/2009 đến ngày 17/1/2009 sẽ hưởng mức chiết khấu 0.1%

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng là: $224.115.239 \times 0.1\% = 224.115$ đồng.

Số tiền công ty thực thu : $224.115.239 - 224.115 = 223.891.124$ đồng.

- Nếu công ty Tây Hồ - BQP thanh toán tiền hàng từ ngày 18/1/2009 đến ngày 25/1/2009 được hưởng mức chiết khấu 0.05%

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng: $224.115.239 \times 0.05\% = 112.058$ đồng

Số tiền công ty thực thu : $224.115.239 - 112.058 = 224.003.181$

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

DVT: đồng

Số CT	Ngày CT	Loại CT	Diễn giải	Tên TK	TK ĐƯ	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				
			
CTK018	15/01	Ch.từ chung	Chiết khấu thanh toán cho Cty Tây Hồ-BQP	635	1311	224.115	
			
CTK992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	911		
Cộng số phát sinh							
Số dư cuối năm							

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

➤ **Biện pháp 2: Về tài khoản hạch toán chi phí.**

Các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bán hàng nên hạch toán vào TK 641. Chi phí bán hàng là tài khoản phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng : Tiền lương và các khoản phải trích theo lương của nhân viên bán hàng; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí KH TSCĐ; thuế, phí, lệ phí; các chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác. Tùy theo từng loại chi phí mà kế toán sẽ vào sổ TK chi tiết như TK 6411, 6413, 6414, 6415, 6417, 6418....

Dưới đây, em xin đưa 1 ví dụ cho Sổ cái TK 641.

Công ty cổ phần Việt Thịnh
Số 44B Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

DVT: đồng

Số CT	Ngày CT	Loại CT	Diễn giải	Tên TK	TK ĐƯ	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				
			
PL 0118	30/12	Phiếu lương	Chi lương cho bộ phận bán hàng T12	6411	334	46.255.970	
CTK 838	30/12	Ch.từ chung	Các khoản trích theo lương T12	6411	338	3.375.358	
CTK 841	30/12	Ch.từ chung	Trích KH TSCĐ bộ phận bán hàng	6414	214	24.375.720	
			
CTK 992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi chi phí nhân viên bán hàng	6411	911		489.632.125
CTK 992	31/12	Ch.từ chung	Kết chuyển chi chi phí KH TSCĐ bộ phận bán hàng	6414	911		95.754.322
			
Cộng số phát sinh						820.659.832	820.659.832
Số dư cuối năm							

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

➤ ***Biện pháp 3: Về việc luân chuyển chứng từ.***

Hiện nay theo quy định của công ty, các chứng từ ban đầu là các hoá đơn GTGT đều do phòng Kinh doanh và các cửa hàng lập rồi mới chuyển lên phòng Kế toán. Quy trình luân chuyển như vậy là không sai so với chế độ kế toán hiện hành, song trong quá trình luân chuyển dễ dẫn đến hiện tượng mất mát chứng từ. Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên đều phải ký nhận vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ của công ty. Đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Dưới đây, em xin mở phiếu giao nhận chứng từ.

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày 05/12/2009

Tên người giao	Số hiệu chứng từ	Số lượng chứng từ	Số tiền	Ký nhận
1	2	3	4	5
Trần Hữu Nam	HĐ15755	02	52.742.621	
Trần Hữu Nam	HĐ15756	02	75.985.687	

➤ ***Biện pháp 4: Về nhân sự.***

Công ty cần làm tốt công tác quản lý nhân sự, tuyển mới hoặc tạo điều kiện cho nhân viên theo học những khóa học nghiệp vụ nâng cao chuyên môn. Việc đảm bảo chuyên môn của cán bộ, nhân viên trong phòng kế toán sẽ giúp công ty hoàn thiện hơn trong công tác hạch toán kế toán, giúp ban lãnh đạo đưa ra những quyết định đúng đắn và kịp thời.

KẾT LUẬN

Việc kinh doanh hàng hoá của doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp làm chiếc cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng với mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng sản phẩm bán ra không những trong thị trường nội địa mà ngay cả thị trường nước ngoài và giảm thiểu chi phí. Bởi vậy, trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay sự cạnh tranh diễn ra ngày càng quyết liệt, công tác tiêu thụ hàng hoá trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần Việt Thịnh cũng đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế và thời gian nghiên cứu có hạn nên nội dung của khoá luận không tránh khỏi những thiết sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô và các anh chị trong phòng kế toán tại Công ty cổ phần Việt Thịnh để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thạc sỹ Nguyễn Thị Thúy Hồng, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của công ty cùng toàn thể các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khoá luận này.

Hải phòng, ngày.... tháng....năm ...

Sinh viên

Nguyễn Thị Vân Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính- Nhà xuất bản tài chính Hà Nội
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Bộ tài chính.
Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán
3. Tham khảo khóa luận của một số anh chị khóa trên..